

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, du lịch đã trở thành ngành kinh tế quan trọng trên toàn thế giới với tỷ lệ hàng năm tăng trưởng cao và ổn định. Du lịch sinh thái (DLST) với bản chất nhạy cảm và có trách nhiệm với môi trường đã và đang phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia trên thế giới, thu hút sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với những người có nhu cầu tham quan du lịch nghiên cứu khoa học.

Tại Việt Nam, DLST là loại du lịch mới cả về khái niệm lẫn tổ chức quản lý và khai thác sử dụng. Công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản và phát triển DLST còn hạn chế. Việc đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, hướng dẫn viên còn chưa được đặt ra. Vì vậy, việc nghiên cứu, ứng dụng DLST trong thực tiễn là rất cần thiết.

Hải Phòng là một trong 6 thành phố lớn của cả nước, có nhiều lợi thế và giàu tài nguyên du lịch, thuận lợi cho việc xây dựng các khu, điểm cũng như tổ chức các chương trình du lịch đặc thù vùng duyên hải như du lịch sinh thái biển, đảo, nghỉ dưỡng, tham quan, thể thao, văn hóa, điền dã, hội nghị, hội thảo. Trong đó Cát Bà là trung tâm của khu du lịch tổng hợp quốc gia Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn.

Trong những năm gần đây, số lượng khách đến thăm các vườn quốc gia nói chung và vườn quốc gia Cát Bà (VQGCB) nói riêng tăng lên nhanh chóng. Mức độ tập trung ngày càng cao đã làm nảy sinh những bất cập trong mối quan hệ giữa hoạt động du lịch, công tác bảo tồn và người dân địa phương.

Một câu hỏi đặt ra là “làm thế nào để giải quyết những mâu thuẫn đó?”. DLST là một trong những công cụ hữu hiệu được nhiều nước trên thế giới áp dụng, giải quyết những vấn đề này. Vì vậy, đề tài “Phát triển du lịch sinh thái

tại Vườn quốc gia Cát Bà” đã được lựa chọn. Với mong muốn góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học của địa phương, phát triển kinh tế, thỏa mãn nhu cầu của du khách và tạo nên việc làm cho người dân.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá khả năng, hiện trạng phát triển du lịch của VQG Cát Bà để định hướng phát triển DLST, nhằm quản lý, bảo vệ môi trường, phát huy các giá trị truyền thống và hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan cơ sở lý luận về du lịch sinh thái và mối quan hệ giữa DLST với các vườn quốc gia.
- Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại VQGCB.
- Tìm hiểu hiện trạng hoạt động du lịch ở Cát Bà, đánh giá hiện trạng du lịch dưới góc độ DLST.
- Các giải pháp cơ bản nhằm khai thác hợp lý tiềm năng DLST của VQG Cát Bà.

4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi lãnh thổ: Đề tài tập trung nghiên cứu trong phạm vi lãnh thổ của VQG Cát Bà.
- Giới hạn nội dung nghiên cứu: đánh giá tiềm năng và hiện trạng theo các nguyên tắc cơ bản của DLST.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập xử lý thông tin
- Phương pháp thực địa
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp phân loại và hệ thống hóa

- Phương pháp phân tích và tổng hợp
- Phương pháp thống kê

6. Ý nghĩa của khóa luận

Về mặt lý luận, đề tài đã tổng quan phần cơ sở lý luận về DLST và ứng dụng chúng cho một điểm cụ thể, đó là VQG Cát Bà.

Về mặt thực tiễn, những kết quả nghiên cứu của đề tài là nguồn tài liệu tin cậy cho việc quy hoạch phát triển DLST tại VQG.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của đề tài được trình bày trong 4 chương.

Chương 1: Tổng quan cơ sở lý luận về du lịch sinh thái.

Chương 2: Tiềm năng phát triển DLST tại VQG Cát Bà.

Chương 3: Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Cát Bà

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI

1.1. Quan niệm về du lịch sinh thái

1.1.1 Khái niệm du lịch

Tổ chức du lịch thế giới (WTO) đưa ra khái niệm về du lịch năm 1993 như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ những cuộc hành trình và lưu trú của con người ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ với mục đích hòa bình”. [1]

Tại Việt Nam, khái niệm này được định nghĩa chính thức trong Pháp lệnh du lịch (1999): “Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi ở cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”. [7]

Như vậy, du lịch là ngành liên quan đến nhiều yếu tố như khách du lịch, phương tiện giao thông, địa bàn đón khách. Do đó, tác động của hoạt động du lịch đến lãnh thổ đón khách là rộng ở mọi khía cạnh và tùy thuộc vào mọi loại du lịch.

Tóm lại, du lịch là hoạt động không mang tính thường xuyên của con người, ở ngoài nơi công tác và cư trú nhằm mục đích tham quan, vui chơi giải trí và phục hồi sức khỏe.

1.1.2 Khái niệm du lịch sinh thái

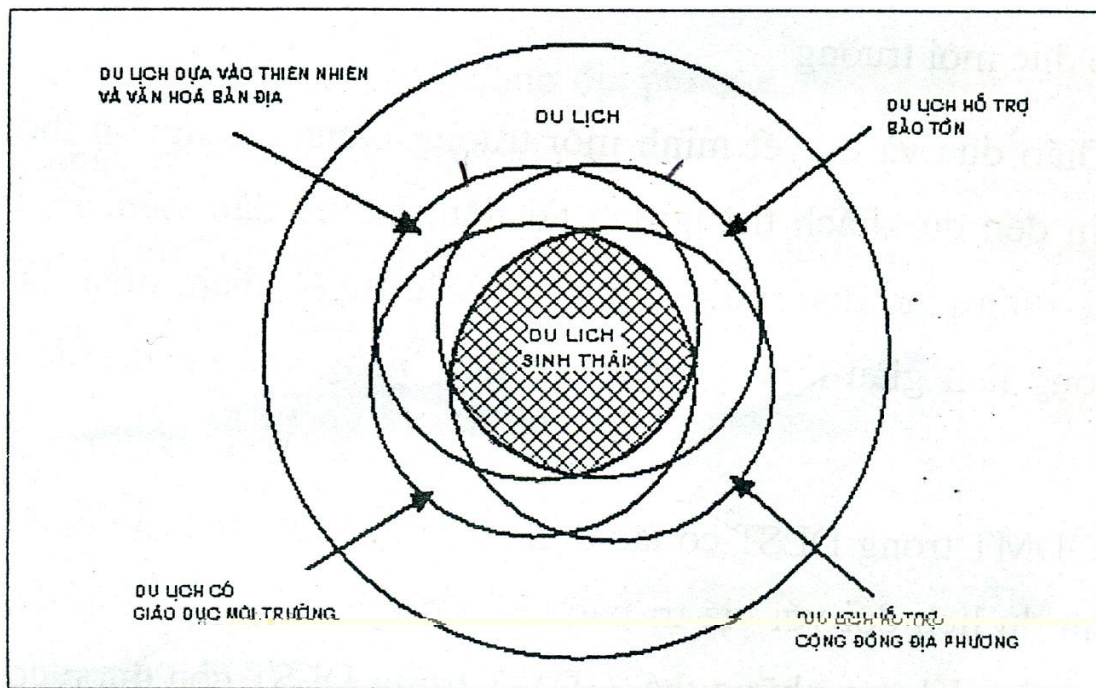
Hiện nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về du lịch sinh thái. Tuy cách diễn đạt khác nhau, song nhìn chung đều có những điểm giống nhau trong việc làm nổi bật bản chất của loại hình du lịch này “Chỉ có du lịch dựa vào tự nhiên, được quản lý bền vững, hỗ trợ bảo tồn và có giáo dục môi trường mới được mô tả là DLST. [1]

Theo định nghĩa của Hector Ceballos-Lascurain, 1987 “DLST là du lịch đến với những khu vực tự nhiên ít bị thay đổi với những mục tiêu đặc biệt

như nghiên cứu, trân trọng, thưởng ngoạn phong cảnh và giới thực, động vật hoang dã, cũng như biểu thị văn hóa (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong những khu vực này”. [2]

Trong hội thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST” tại Việt Nam, năm 1999, đã đi đến thống nhất về quan niệm về DLST như sau: “DLST là một loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa bản địa có tính giáo dục môi trường và đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương” [1]

Mặt khác, DLST được nhìn nhận như là loại hình du lịch lựa chọn những mặt tích cực của một số loại hình du lịch và có thể biểu diễn bằng sơ đồ đan cắt của các thành phần như sau:



Hình 1-1: Cấu trúc du lịch sinh thái

Nguồn[11]

Như vậy, DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, bao hàm các yếu tố bền vững như mang tính giáo dục môi trường, hỗ trợ bảo tồn và cộng đồng người dân địa phương.

1.1.3 Đặc trưng của du lịch sinh thái

Theo Dowling, sự khác biệt giữa DLST với các loại hình du lịch khác ở 5 đặc trưng sau: [12]

- DLST phát triển trên địa bàn phong phú về tự nhiên và văn hóa bản địa

Đối tượng của DLST là những khu vực hấp dẫn về tự nhiên và văn hóa bản địa. Đặc biệt, những khu tự nhiên còn tương đối nguyên sơ, ít bị tác động. Vì vậy, hoạt động DLST thích hợp với các khu bảo tồn tự nhiên có giá trị.

- Đảm bảo tính bền vững về sinh thái và hỗ trợ bảo tồn

Do DLST phát triển trên môi trường phong phú về tự nhiên nên hình thức, và mức độ sử dụng cho các hoạt động du lịch phải được duy trì và quản lý cho tính bền vững của hệ sinh thái và ngành du lịch. Đặc trưng này thể hiện ở quy mô nhóm khách tham quan thường có số lượng nhỏ, yêu cầu sử dụng phương tiện, dịch vụ về tiện nghi thấp hơn yêu cầu về việc đảm bảo kinh nghiệm du lịch có chất lượng. Các hoạt động trong DLST thường gây tác động ít đến môi trường và du khách sẵn sàng chi trả cho việc bảo vệ môi trường.

- Giáo dục môi trường

Giáo dục và thuyết minh môi trường bằng các nguồn thông tin, truyền tải thông tin đến du khách thông qua tài liệu, hướng dẫn viên. Phương tiện sử dụng cho mục đích giáo dục môi trường trên các tuyến tham quan là những hình thức quan trọng làm giàu kinh nghiệm du lịch, nâng cao nhận thức về môi trường và bảo tồn.

Giáo dục môi trường trong DLST có tác dụng làm thay đổi thái độ của khách, cộng đồng và ngành du lịch đối với giá trị bảo tồn, góp phần tạo nên sự bền vững lâu dài của khu tự nhiên. Không những thế, GDMT trong DLST còn được coi là công cụ quản lý hữu hiệu cho các khu tự nhiên.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch

DLST cải thiện đời sống, tăng thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương trên cơ sở cung cấp về kiến thức, kinh nghiệm thực tế để người dân có khả năng tham gia vào việc quản lý, vận hành dịch vụ DLST. Đây cũng là cách để người dân trở thành những người hỗ trợ bảo tồn tích cực.

- Cung cấp kinh nghiệm du lịch với chất lượng cao cho du khách

Nâng cao hiểu biết và kinh nghiệm du lịch cho du khách là sự tồn tại của ngành DLST. Vì vậy, các dịch vụ du lịch trong DLST tập trung vào đáp ứng nhu cầu nhận thức và kinh nghiệm du lịch hơn là dịch vụ cho nhu cầu tiện nghi.

1.1.4 Nguyên tắc của du lịch sinh thái

DLST phát triển trên nguyên tắc hướng tới phát triển bền vững. Đây là nguyên tắc không chỉ sử dụng cho các nhà quản lý mà còn cho cả đội ngũ nhân viên hoạt động trong DLST. Cochrane [10] đã tổng kết các nguyên tắc đó như sau:

- Sử dụng thận trọng các nguồn tài nguyên, hỗ trợ bảo tồn và giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm (ví dụ: rác trong sinh hoạt, trong hoạt động du lịch).
- Tạo lợi ích kinh tế lâu dài cho cộng đồng địa phương, những người được làm chủ trong sự phát triển và trong hoạch định.
- Các chiến dịch thị trường cần tôn trọng môi trường, du lịch không nên làm tổn hại đến nền văn hóa và xã hội địa phương.
- Có khả năng hấp dẫn số lượng khách du lịch và thường xuyên đáp ứng cho du khách những kinh nghiệm du lịch lý thú.
- Khách du lịch cần được cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khu vực đến thăm, đảm bảo tính giáo dục cao.

Đối chiếu với nguyên tắc của du lịch bền vững, các nguyên tắc của DLST cũng nhằm vào các mục tiêu hướng tới du lịch bền vững. Để đạt được

mục tiêu này, việc tìm hiểu, đánh giá mối quan hệ của du lịch trong VQG cũng như lợi ích và những nguy cơ nảy sinh tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương trong các khu vực này là hết sức cần thiết.

1.2. Mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với Vườn quốc gia

1.1.2. Khái niệm về Vườn quốc gia

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về VQG của các nhà nghiên cứu và quản lý. Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới đã đưa ra định nghĩa về VQG như sau [4]:

Một VQG là một lãnh thổ tương đối rộng trên đất liền hay trên biển mà:

- Ở đó có một hay vài hệ sinh thái không bị thay đổi lớn do sự khai thác hoặc chiếm lĩnh của con người. Các loài thực - động vật, các đặc điểm hình thái, địa mạo và nơi cư trú của các loài, hoặc các cảnh quan thiên nhiên đẹp là mối quan tâm cho nghiên cứu khoa học, cho giáo dục và giải trí.
- Ở đó có ban quản lý thực hiện các biện pháp ngăn chặn hoặc loại bỏ nhanh chóng sự khai thác hoặc chiếm lĩnh các đặc trưng về sinh thái và cảnh quan.
- Ở đó cho phép khách du lịch đến thăm, dưới những điều kiện đặc biệt, cho các mục đích nghiên cứu, giáo dục, văn hóa, giải trí và lòng ngưỡng mộ.
- Việc thiết lập VQG và các khu bảo tồn nhằm mục tiêu chính trong bảo tồn đa dạng sinh học và tính toàn vẹn lãnh thổ, phục vụ nghiên cứu khoa học và giáo dục, tạo môi trường du lịch. Như vậy VQG là những địa bàn phù hợp cho DLST.

➤ Khả năng hấp dẫn DLST của VQG

VQG và các khu cảnh quan tự nhiên hấp dẫn ngày càng được quan tâm trong sử dụng để đầu tư cho phát triển du lịch vì sự phong phú của tự nhiên, sự đa dạng của hệ sinh thái và cảnh quan đẹp. Chúng được coi là nền tảng cho sự phát triển DLST và mang lại lợi ích về kinh tế xã hội.

Một trong những yếu tố thúc đẩy việc thành lập VQG chính là tạo cơ hội cho mọi người tham quan, giải trí trong thiên nhiên. Do đó, nhiều quốc gia đã quyết định thành lập VQG và khu bảo tồn.

Yếu tố khiến một VQG hoặc một khu tự nhiên trở thành hấp dẫn khách du lịch bao gồm:

- Vị trí ở gần sân bay quốc tế hay trung tâm du lịch lớn.
- Khả năng đến khu vực tham quan thuận lợi.
- Đặc điểm sinh thái tự nhiên: đa dạng, các loài quý hiếm, điển hình, sự hấp dẫn và khả năng để quan sát chúng (thường xuyên hay mang tính mùa vụ), sự an toàn khi quan sát.
- Các yếu tố hấp dẫn khác như: bãi biển, sông, hồ nước với các thiết bị giải trí, thác nước hoặc bể bơi, và các loại giải trí khác.
- Các yếu tố văn hóa xã hội địa phương hấp dẫn khách.
- Mức độ đảm bảo các dịch vụ: ăn uống, nơi ở và các dịch vụ khác.
- Mức độ khác biệt so với các khu du lịch khác.
- Mức độ gần / xa các điểm du lịch lân cận, sự hấp dẫn của điểm này với du khách, khả năng kết hợp tham quan.

Trong xu hướng du lịch hiện nay, khách du lịch sinh thái thường tìm đến những vùng có đặc điểm tự nhiên và văn hóa khác biệt, những khu tự nhiên chưa bị khám phá hoặc mới ở giai đoạn đầu của sự khai thác cho du lịch. Vì vậy, một khu du lịch tự nhiên hay một VQG sẽ có nhiều khả năng hấp dẫn khách du lịch khi có nhiều yếu tố trên kết hợp.

Như vậy, tiềm năng du lịch của một VQG có thể bị lu mờ hay được phát huy tùy thuộc vào khả năng khai thác, quản lý của các nhà quy hoạch, điều hành du lịch trong việc phối hợp với các nhà quản lý VQG và cộng đồng địa phương. Việc phối hợp không chặt chẽ giữa các bên liên quan sẽ dẫn đến

tình trạng phát triển du lịch thiếu sự giám sát, quản lý thận trọng, có thể nảy sinh những tác động tiêu cực đến môi trường của khu tự nhiên và dẫn đến việc phá hủy chính nguồn tài nguyên mà du lịch phụ thuộc vào.

1.2.2 Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên

Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên được thể hiện ở một trong ba dạng chính sau:

- Quan hệ cùng tồn tại: khi có rất ít mối quan hệ giữa du lịch và bảo tồn tự nhiên hoặc cả hai tồn tại một cách độc lập.
- Quan hệ cộng sinh: trong đó cả du lịch và bảo tồn tự nhiên đều nhận được những lợi ích từ mối quan hệ này và có sự hỗ trợ lẫn nhau.
- Quan hệ mâu thuẫn: khi sự hiện diện của du lịch, nhất là du lịch đại chúng, làm hại đến bảo tồn tự nhiên.

Mối quan hệ tồn tại ở dạng nào tùy thuộc vào nhiều yếu tố, song mức độ sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên của du lịch đóng vai trò quan trọng. Điều này được phản ánh thông qua các giai đoạn phát triển du lịch.

Giai đoạn 1:

Ở giai đoạn đầu, du lịch mới bắt đầu, mức độ sử dụng tài nguyên còn thấp, mối quan hệ thường thể hiện ở dạng quan hệ cùng tồn tại, nghĩa là cả du lịch và bảo tồn hầu như ít ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, dạng quan hệ này rất khó duy trì lâu dài, đặc biệt khi du lịch phát triển hơn, mức độ sử dụng nguồn tài nguyên cao hơn và những tác động đến môi trường cũng rõ rệt hơn.

Giai đoạn 2:

Giai đoạn tiếp theo, nếu du lịch được quy hoạch, quản lý tốt, phát triển hòa hợp với bảo tồn tự nhiên, mang lại lợi ích cho cả hai thì mối quan hệ sẽ theo hướng tích cực - quan hệ cộng sinh. Có mối quan hệ này, những giá trị

của tự nhiên vẫn được bảo vệ, thậm chí ở điều kiện tốt hơn, trong khi vẫn đảm bảo chất lượng du lịch, đem lại lợi ích cho ngành du lịch và cho khu vực.

Giai đoạn 3:

Khi du lịch phát triển quá mức, không quan tâm đến bảo tồn, mối quan hệ sẽ theo chiều hướng tiêu cực - quan hệ mâu thuẫn. Thậm chí, ngay cả khi có mối quan hệ cộng sinh, nếu không được duy trì và quản lý tốt, vẫn có thể chuyển thành quan hệ mâu thuẫn. Điều này thường xảy ra trong thực tế, đặc biệt khi du lịch phát triển với mục đích “gặt hái nóng vội” về lợi ích kinh tế.

DLST được quy hoạch thận trọng và được quản lý trên cơ sở các nguyên tắc của mình sẽ tạo được mối quan hệ cộng sinh với môi trường. Vì thế, việc nhận thức và đánh giá được những lợi ích, những mất mát có thể nảy sinh là rất cần thiết trong quy hoạch, phát triển và quản lý du lịch ở các VQG.

1.2.3 Lợi ích du lịch mang lại cho Vườn quốc gia

Có thể khái quát một số lợi ích từ du lịch như sau:

- Tạo động lực quan trọng trong việc thiết lập và bảo vệ VQG. Nghĩa là lợi ích hai chiều được hình thành khi du lịch hoạt động trong các VQG.
- DLST có khả năng mang lại nguồn thu nhập lớn cho VQG. Tuy nhiên mục tiêu chính của du lịch sinh thái không phải là lợi ích kinh tế thuần túy mà là khả năng của nó trong việc góp phần bảo tồn cảnh quan thiên nhiên đẹp, tính đa dạng các hệ sinh thái, thế giới động vật phong phú và các nền văn hóa dân tộc đặc sắc.
- Du lịch tạo cơ hội để du khách được tham quan, tiếp xúc và nâng cao hiểu biết về môi trường thiên nhiên, từ đó có những nhận thức tích cực trong bảo tồn tài nguyên và môi trường.
- Thúc đẩy sự phát triển của các khu vực lân cận nhờ sản phẩm từ nông nghiệp và thủ công v.v.

- Khuyến khích mở rộng vùng đất giáp ranh, tạo điều kiện duy trì độ che phủ thực vật tự nhiên, tăng cường bảo vệ môi trường.
- Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và qua đó nâng cao thu nhập của họ nhờ sự tham gia của họ trong hoạt động du lịch, từ đó giảm bớt sức ép lên môi trường VQG.

1.2.4 Tác động tiêu cực có thể nảy sinh từ du lịch ở các VQG.

Tác động tiêu cực lên các khu tự nhiên được bảo vệ có thể phân ra làm hai loại trực tiếp và gián tiếp [6]. Các tác động trực tiếp gây ra bởi sự có mặt của du khách, còn tác động gián tiếp nảy sinh từ cơ sở hạ tầng, dịch vụ liên quan đến hoạt động du lịch. Cụ thể các tác động như sau:

- Tác động vào cấu trúc địa chất, cấu tạo đá, khoáng sản: do hoạt động leo núi, thăm hang động, thu lượm mẫu đá... làm kỷ niệm.
- Tác động lên thổ nhưỡng: do hoạt động đi bộ, cắm trại, bãi đỗ xe... gây ảnh hưởng đến môi trường và điều kiện sống của hệ sinh vật.
- Tác động vào nguồn tài nguyên nước: tập trung số đông khách du lịch sẽ ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng nguồn nước. Việc xử lý chất thải không triệt để và hợp lý sẽ làm tăng nguy cơ giảm chất lượng nguồn nước của khu du lịch và vùng lân cận.
- Tác động lên hệ thực vật: hoạt động du lịch giải trí có thể tạo ra tác động đến thực vật như bẻ cành, giẫm đạp, thải khí từ phương tiện giao thông, làm đường, bãi đỗ xe, công trình dịch vụ v.v
- Tác động lên động vật: hoạt động tham quan, tiếng ồn của khách, của phương tiện giao thông khiến động vật hoang sợ, thay đổi diễn biến sinh hoạt và địa bàn cư trú, sinh sống của chúng.

Ngoài ra, việc thải rác bừa bãi có thể gây ra sự nhiễm dịch bệnh cho động vật hoang dã...Nhu cầu tiêu dùng xa xỉ các món ăn từ động vật của du

khách dẫn đến việc săn lùng, buôn bán làm giảm đáng kể số lượng quần thể động vật và cuối cùng là thay đổi cấu trúc hệ sinh thái ban đầu.

DLST là du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với tự nhiên và cũng không tránh khỏi tác động tiêu cực. Tuy nhiên, DLST có khả năng giảm thiểu những tác động tiêu cực, đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn, nếu được vận hành đảm bảo các nguyên tắc của nó.

1.3 Quan hệ giữa du lịch sinh thái và cộng đồng địa phương

Trước hết, ngoài những hấp dẫn về tự nhiên đối với khách du lịch, thì vai trò của cộng đồng địa phương cũng không thể xem nhẹ trong việc thu hút khách với những yếu tố chính về văn hóa xã hội, bao gồm:

- Truyền thống địa phương
- Lịch sử địa phương và những di sản văn hóa bản địa
- Kiến trúc
- Các món ăn địa phương
- Hàng thủ công
- Nghệ thuật, âm nhạc
- Tôn giáo, ngôn ngữ
- Cách sống
- Trang phục, phong tục, truyền thống.

Trong những yếu tố này, 5 yếu tố đầu có xu hướng được khách du lịch coi là quan trọng hơn. Mặc dù khách du lịch sinh thái quan tâm nhiều đến môi trường tự nhiên, song không thể loại trừ mong muốn tham quan, hiểu biết các vấn đề văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương. Thêm vào đó, địa phương lại là nơi đáp ứng các nhu cầu của khách như: nơi ăn nghỉ, tiện nghi, các phương tiện giải trí, các dịch vụ cần thiết, và ngay cả nguồn nhân lực phục vụ khách trong đó có cả lòng hiếu khách v.v...

Như vậy, khách du lịch đến địa phương thăm quan, dù là môi trường tự nhiên, thì vẫn có những quan hệ và tác động đến cộng đồng địa phương. Đó là những tác động về văn hóa - xã hội - những ảnh hưởng mang đến cho cộng đồng địa phương do kết quả của mối quan hệ qua lại với khách.

1.3.1 Ảnh hưởng tích cực

- a. Góp phần thay đổi chất lượng cuộc sống của cộng đồng, nhất là của những ai trực tiếp tham gia vào ngành này. Trong đó bao gồm cả sự cải thiện những dịch vụ xã hội y tế, nhà cửa, hệ thống cấp thoát nước, điện năng...
- b. Giúp cho việc bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa lịch sử, làm tăng niềm tự hào của địa phương và ý thức cộng đồng.
- c. Góp phần tăng danh tiếng của địa phương, giúp cho khách khám phá những ý tưởng mới, giá trị mới và cách sống mới.
- d. Tạo điều kiện giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa cộng đồng địa phương, các quốc gia, phá vỡ những ngăn cách về văn hóa và dân tộc thông qua quan hệ này.
- e. DLST còn có tiềm năng mang lại lợi ích kinh tế cho nhân dân địa phương.

Theo Boo (1990): “Các khách du lịch sinh thái có xu hướng tiêu tiền nhiều hơn các khách du lịch khác. Họ sẵn sàng chấp nhận và tôn trọng các phong tục, tập quán, truyền thống và các món ăn địa phương”. Vấn đề là làm sao để số đông địa phương được tham dự vào những lợi ích mà du lịch sinh thái đem lại chứ không phải chịu gánh nặng của những tổn thất (Place, 1991). Tuy nhiên, trong thực tế, như Cochrane (1996) đã bình luận: thật cực kỳ khó khăn để đồng thời đạt được cả hai mục đích của du lịch sinh thái, tức là bảo tồn thiên nhiên và cải thiện phúc lợi của dân địa phương.

1.3.2 Ảnh hưởng tiêu cực

Du lịch tập trung gây nên sự quá tải cho cơ sở hạ tầng hiện có như: khả năng cung cấp nước sạch, điện, nhiên liệu, xử lý chất thải. Nhưng nếu cơ sở

hạ tầng được thiết kế và quy hoạch lớn hơn nhu cầu và mức sử dụng thấp sẽ gây thừa lỗ hoặc dẫn đến việc tăng giá cả bất hợp lý.

Sự phát triển du lịch quá mức gây ảnh hưởng đến lối sống truyền thống của dân cư địa phương:

- Làm đảo lộn cấu trúc xã hội
- Gây sự căng thẳng về xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống cá nhân
- Góp phần làm mai một về văn hóa vì những thái độ ứng xử bất thường của khách với dân địa phương
- Tăng thêm những vấn đề về xã hội như: cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, trộm cắp...

Để tránh những tác động tiêu cực của du lịch thông thường, việc thiết kế một kế hoạch phát triển DLST, đảm bảo các yêu cầu cơ bản là rất cần thiết trước khi khuyến khích mở một khu tự nhiên.

1.4 Yêu cầu DLST tại vườn Quốc Gia

1.4.1 Dựa trên cơ sở các hệ sinh thái điển hình

Yêu cầu đầu tiên để có thể tổ chức du lịch sinh thái là sự tồn tại của các hệ sinh thái tự nhiên điển hình với tính đa dạng sinh thái cao. Điều này giải thích tại sao hoạt động DLST thường chỉ phát triển ở các khu bảo tồn tự nhiên (natural reserve), đặc biệt ở các vườn quốc gia (natural park), nơi còn tồn tại những khu rừng với tính đa dạng sinh học cao và cuộc sống hoang dã. Tuy nhiên, điều này không loại trừ các yếu tố văn hóa xã hội bản địa.

1.4.2 Đảm bảo tính giáo dục

Việc chủ động giáo dục gắn liền với bảo tồn có vai trò to lớn, tạo nên sự bền vững cho DLST. Quá trình giáo dục, đào tạo cần sự tham gia của nhà quản lý, điều hành, hướng dẫn viên và cả bản thân khách du lịch nhằm làm

giàu kinh nghiệm cho du khách và khuyến khích những hoạt động thực tiễn có ích đối với môi trường.

Yêu cầu giáo dục trong DLST được đáp ứng thông qua một hệ thống thông tin đầy đủ và chính xác cho khách khi đến tham quan. Đó là các ấn phẩm về VQG với thông tin chủ yếu, các hướng dẫn và những nội quy tham quan. Những thông tin này nhất thiết phải được truyền đạt đến từng du khách thông qua vai trò của hướng dẫn viên và các phương tiện truyền tải thông tin trên tuyến tham quan.

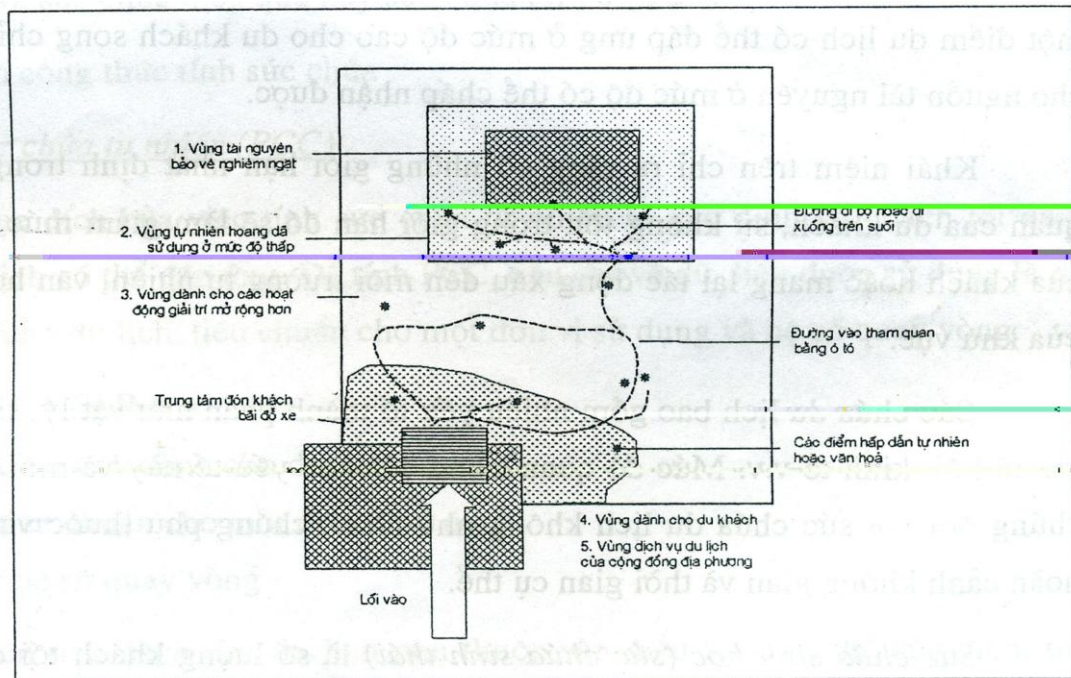
Trong DLST, hướng dẫn viên có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao tính giáo dục và thuyết minh môi trường cũng như làm tăng tính hấp dẫn cho điểm du lịch. Hướng dẫn viên DLST không những cần có trình độ nghiệp vụ DL mà còn cần có kiến thức về môi trường để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho du khách.

1.4.3 Sử dụng lãnh thổ du lịch phù hợp với bảo tồn

Thách thức đối với DLST là đảm bảo chất lượng du lịch mà hạn chế được những tác động có hại ngược trở lại môi trường. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để đạt được mức độ sử dụng tài nguyên hợp lý, DLST chỉ được tổ chức trong những khu vực cho phép của môi trường, và phải được quy hoạch thận trọng trên cơ sở khoanh vùng sử dụng lãnh thổ DL và có sự quản lý lượng khách phù hợp.

- Khoanh vùng sử dụng (zoning)

Gunn [13] đã khẳng định việc khoanh vùng các khu vực của VQG để những lượng khách tập trung trong những trung tâm dịch vụ, sẽ không gây tác động lớn đến nguồn tài nguyên nhạy cảm và quý hiếm. Vì vậy ông đã đưa ra mô hình khoanh vùng sử dụng du lịch cho một VQG như hình trên.



Hình 1.2: Mô hình vùng sử dụng du lịch cho VQG

1. Vùng bảo vệ các nguồn tài nguyên cơ bản (đặc hữu), khu vực này được coi là vùng hạt nhân về tài nguyên, môi trường, được bảo vệ nghiêm ngặt.
 2. Vùng tự nhiên hoang dã, sử dụng ở mức độ thấp: Ở đây chỉ các lối mòn đi bộ hoặc dùng các thuyền nhỏ nếu có sông / suối chảy qua) cho các hoạt động tham quan.
 3. Vùng dành cho các hoạt động giải trí mở rộng hơn: Ở đây có các tuyến tham quan bằng ô tô đến những điểm hấp dẫn về tự nhiên và văn hóa.
 4. Vùng dành cho du khách (picnic, cắm trại) trong đó có điểm đỗ xe đón khách tham quan vào tuyến trong.
 5. Vùng dành cho các dịch vụ du lịch của cộng đồng: Khu vực này thường ở lân cận cổng VQG hoặc ranh giới vùng đệm.
- Quản lý lượng khách phù hợp trên cơ sở sức chứa
 - Khái niệm

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), sức chứa du lịch là khả năng của một điểm du lịch có thể đáp ứng ở mức độ cao cho du khách song chỉ gây tác hại cho nguồn tài nguyên ở mức độ chấp nhận được.

Khái niệm trên chỉ ra rằng có những giới hạn nhất định trong việc tham quan của du khách, sự không tôn trọng đó sẽ làm giảm mức độ hài lòng của khách hoặc mang lại tác động xấu đến môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội của khu vực.

Sức chứa du lịch bao gồm nhiều yếu tố thành phần như vật lý, sinh học, tâm lý, xã hội, kinh tế v.v. Mức độ quan trọng của các yếu tố này và mối liên hệ giữa chúng đối với sức chứa du lịch không như nhau, chúng phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh không gian và thời gian cụ thể.

Sức chứa sinh học (sức chứa sinh thái) là số lượng khách tối đa có thể có mặt tại một điểm du lịch trong một đơn vị thời gian nhất định, song không làm mất đi sự cân bằng sinh thái vốn có. Điều này có nghĩa là sau một thời gian, tài nguyên thiên nhiên của điểm du lịch đó có thể tự phục hồi được tình trạng ban đầu mà không cần sự hỗ trợ của con người.

Sức chứa vật lý là ngưỡng về mặt không gian dành cho mỗi du khách tại điểm du lịch. Ngưỡng này phụ thuộc vào hoạt động du lịch, vào đặc điểm của điểm du lịch đó, vào tập quán địa phương.

Sức chứa tâm lý là mức độ thoải mái của du khách, của người dân địa phương trong chuyến du lịch. Những yếu tố gây sức ép đối với tâm lý của khách là môi trường văn hóa, xã hội, chất lượng dịch vụ và thái độ ứng xử.

Sức chứa kinh tế của khu du lịch là khả năng đáp ứng các nhu cầu về mặt kinh tế của du khách tại địa phương.

Ceballos- Lascrain (1996) sức chứa du lịch của một khu vực cụ thể có liên quan đến các yếu tố khác nhau như chính sách du lịch, hiện trạng tham quan, các yếu tố ảnh hưởng đến tham quan. Vì vậy, cần phân biệt các loại sức

chứa theo tiêu chí sử dụng, khai thác như sức chứa tự nhiên (PCC), sức chứa thực tế (RCC) và sức chứa hiệu quả hay sức chứa tối ưu (ECC).

- Một số công thức tính sức chứa

Sức chứa tự nhiên (PCC)

Mục đích của việc tính sức chứa tự nhiên là xác định số khách tối đa mà điểm du lịch có thể đáp ứng. Để tính PCC, tiêu chí và dữ liệu được sử dụng là diện tích của điểm du lịch, tiêu chuẩn cho một đơn vị sử dụng và hệ số quay vòng.

$$PCC = (S.R_f):a$$

S: diện tích dành cho du lịch

a: tiêu chuẩn cho một đơn vị sử dụng

R_f: hệ số quay vòng

Diện tích dành cho du lịch phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của điểm tham quan như đặc điểm tự nhiên (độ dốc, điều kiện thời tiết, thời điểm tham quan, v.v...) tính nhạy cảm của tự nhiên (nơi sinh sống của loài động vật quý hiếm hay đặc hữu), yêu cầu an toàn (khả năng bao quát của một hướng dẫn viên trong điều kiện địa hình cụ thể).

Tiêu chuẩn cho một đơn vị sử dụng là thể tích, diện tích (hay độ dài) của không gian cần thiết dành cho một đơn vị sử dụng. Đơn vị sử dụng có thể là một khách du lịch, một đoàn khách hay một phương tiện chuyên chở khách du lịch.

Ví dụ, không gian cho một khách du lịch tại bãi biển có thể từ 5-20m². Không gian cho một con tàu phụ thuộc vào kích thước, tải trọng, tốc độ và điều kiện hải văn. Không gian tối ưu cho một người trong di chuyển (đối với tuyến du lịch) trong điều kiện hành trình có thể là 1-2m. Đối với các đường mòn tự nhiên, hạn chế không gian được quy định bởi quy mô nhóm tham

quan và khoảng cách giữa các nhóm. Theo kinh nghiệm của một số nhà hướng dẫn du lịch sinh thái, khoảng cách tối thiểu giữa hai đoàn tham quan phải từ 100-200m.

Hệ số quay vòng phụ thuộc vào thời lượng cho một chuyến tham quan. Giá trị này phụ thuộc vào mật độ điểm tham quan, độ hấp dẫn sinh thái của các điểm du lịch, độ dài tuyến tham quan, độ phức tạp của địa hình. Thời gian cho phép tham quan vào độ dài ngày (theo mùa) và khoảng cách giữa các trạm nghỉ qua đêm được hoạch định.

Sức chứa thực tế (RCC)

Do bị chi phối bởi nhiều nhân tố như điều kiện môi trường (tự nhiên cũng như xã hội), hoàn cảnh thực tế trong thời gian có hoạt động du lịch (tình hình chính trị, kinh tế, thời tiết...) nên số khách tối đa có thể sẽ thấp hơn số khách được tính theo PCC. Để phân biệt người ta dùng một thuật ngữ khách là sức chứa thực tế (RCC):

$$RCC = PCC - Cf_i$$

Cf_i là các biến điều chỉnh. Các biến điều chỉnh này liên quan chặt chẽ với các đặc điểm và điều kiện cụ thể, không cố định trong không gian và thời gian.

Sức chứa tối ưu (ECC)

Giá trị của sức chứa tối ưu nói lên số lượng khách tối đa được phục vụ một cách tốt nhất và đem lại cho sự hài lòng về chất lượng phục vụ.

$$ECC = P.RCC$$

P: hệ số khai thác tối ưu

Hệ số này thể hiện mức độ đảm bảo yêu cầu về quản lý, phục vụ của cơ sở du lịch.

Như vậy, sức chứa du lịch của một lãnh thổ không khó hiểu và mặt lý thuyết, song lại rất khó định lượng. Vì thế, không có những giá trị cố định hay tiêu chuẩn cụ thể về sức chứa du lịch. Bởi vậy, việc xác định sức chứa luôn cần được nghiên cứu, tính toán phù hợp với mục tiêu quản lý và điều kiện tài nguyên thực tế nhằm hạn chế lượng khách ở dưới mức độ cho phép.

1.5 Kết luận chương 1

DLST được chấp nhận trên phạm vi toàn quốc với ý tưởng phát triển bền vững. Nó được xây dựng và phát triển trên cơ sở những khu vực tự nhiên hấp dẫn và lợi ích đem lại thường lớn hơn từ du lịch thông thường. Lợi ích đó là việc nâng cao nhận thức về hỗ trợ bảo tồn giá trị của hệ sinh thái, văn hóa bản địa, nâng cao năng lực quản lý và góp phần cải thiện kinh tế địa phương.

Tuy vậy, DLST không phải là “liều thuốc bách bệnh” cho tất cả những vấn đề đang tồn tại của ngành du lịch. DLST là loại du lịch hướng tới mục tiêu bền vững. Để đạt được mục tiêu này, DLST phải đảm bảo cân bằng giữa các mục tiêu về kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội bằng các nguyên tắc và yêu cầu.

Hệ thống VQG tại Việt Nam là những khu vực có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng và đặc biệt hấp dẫn khách DLST. Tuy nhiên, còn rất nhiều mâu thuẫn khi phát triển DLST tại khu vực này. Vì vậy, để tìm hiểu và phát triển DLST tại VQG Cát Bà, khóa luận tập trung vào tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch, từ đó đánh giá chúng dưới góc độ DLST ở chương 2 và 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ

2.1 Giới thiệu khái quát về Vườn Quốc Gia Cát Bà

Quần đảo Cát Bà gồm 366 hòn đảo lớn nhỏ trên vịnh Lan Hạ, trong đó lớn nhất là đảo Ngọc hay đảo Cát Bà với diện tích khoảng 200km². Cát Bà thuộc huyện đảo Cát Hải của thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố 45 km về phía đông, cách Hà Nội 150 km về phía nam, tiếp nối với Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long nổi tiếng. Trước đây, nhiều người vẫn nhắc tới Vịnh Hạ Long, coi đó như một di sản thiên nhiên tuyệt đẹp mà tạo hóa ban tặng cho tỉnh Quảng Ninh. Chỉ khi đến với Cát Bà người ta mới thật sự ngỡ ngàng khi được biết Cát Bà chính là quần đảo đẹp nhất trong quần thể đảo Vịnh Hạ Long.

Vào những ngày đầu tháng 4 này, ở đảo Cát Bà, người dân đảo và khách du lịch lại được sống trong không khí lễ hội tung bưng, lễ hội đón chào mùa du lịch mới.

Trên rừng, những chồi non đã hé nụ, ở các bãi tắm chính và các bãi tắm nhỏ nằm trên các hòn đảo là những dải cát nằm uốn lượn theo sườn núi nằm nghiêng nghiêng bên dòng nước trong xanh, quanh năm rì rào sóng vỗ.

Cát Bà là nơi hội tụ giữa rừng với biển. Biển và rừng hòa quyện với nhau tạo nên phong cảnh có một không hai. Rừng Cát Bà mùa này thật đẹp, sau những đợt mưa xuân, chồi non hé nụ, những cánh hoa nở nhiều hơn, tại trong rừng sâu, những hồ nước lại đầy thêm, lung linh soi bóng cây xanh tạo cho du khách những khoảng không bất chợt. Nếu đã đến với rừng, đến với Vườn quốc gia Cát Bà du khách sẽ không thể nào quên.

Đã nhiều năm nay, Vườn quốc gia Cát Bà là một điểm du lịch sinh thái hấp dẫn và đặc biệt hấp dẫn đối với những du khách tham gia mạo hiểm.

Vườn quốc gia Cát Bà nằm trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà. Vườn có 4.500 ha rừng nguyên sinh có hệ thực vật thường xen lẫn rừng cây lá rộng, cây lá kim và rừng kín lá rộng thường xanh nhiệt đới phát triển trên núi đá vôi. Vườn có nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm nên đây là nơi bảo tồn nguồn gen đa dạng.

Điểm độc đáo của vườn là có tới 22 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam và 6 loài được ghi trong sách đỏ thế giới. Trong số động vật được ghi trong sách đỏ thế giới thì Vườn quốc gia có Voọc đầu trắng, đây là loài động vật đặc hữu của Cát Bà.

Các tour du lịch vào Vườn quốc gia Cát Bà mùa này thường đem đến cho du khách những cảm giác mới lạ. Từ thị trấn Cát Bà, chỉ vài chục phút đi trên tuyến đường rộng mở vào đến cửa vườn. Trên xe, du khách có thể phóng tầm mắt nhìn ra xung quanh, hít căng lồng ngực đón nhận không khí trong lành của núi rừng.

Vào buổi sáng, khi ánh mặt trời bắt đầu ló rạng chiếu ánh nắng xuống, rừng Cát Bà như được khoác thêm chiếc áo mới, những giọt nước đọng lại trên lá cây từ đêm bắt đầu rơi xuống. Cả khu rừng như sôi động hẳn lên bởi tiếng lá cây xào xạc đón gió, tiếng chim hót ríu rít gọi bầy. Điểm đặt chân đầu tiên của du khách là cửa vườn, đây là nơi giới thiệu về vườn và cũng là nơi lưu giữ được nhiều hình ảnh, mẫu vật của vườn trong những lần đi khảo sát, tìm kiếm. Nhưng đó chỉ là bước đầu, bởi đến với rừng Cát Bà, điều kỳ thú phải là tự khám phá. Là nơi có diện tích khá rộng lớn nên việc đi du lịch xuyên rừng (chủ yếu bằng đi bộ) thật chẳng dễ dàng chút nào. Thế nhưng với hơn 10 km đi xuyên rừng, du khách lại được khám phá những điều kỳ thú mà thiên nhiên đã ban tặng cho rừng Cát Bà khi được tận mắt chứng kiến những cây cổ thụ, hồ trên núi, rừng cây Kim giao và nếu như gặp may, du khách sẽ được thấy Voọc đầu trắng hay những hang động có một không hai.

2.1.1 Lịch sử

Có một câu chuyện gắn với lịch sử giữ nước của Việt Nam rằng, thời chiến đấu chống quân Nguyên Mông xâm lược, người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo đã chọn vùng Đông Bắc này làm nơi tập kết, luyện quân, tích trữ lương thảo.

Những hang động trong vùng biển này đều được huy động vào việc cất giấu quân lương, che ém tàu thuyền của quân ta. Vì vậy, vùng biển phía Hạ Long được chọn làm khu vực quân sự, hiện nay còn có hang Dấu Gỗ. Tương truyền là nơi quân ta cất giấu những chiếc cọc gỗ bịt sắt đã làm nên chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy, còn vùng biển phía Lan Hạ là nơi tích trữ lương thảo chăm sóc y tế, là khu vực do Các Bà cai quản. Vì thế có tên là Cửa Đức Ông (Quảng Ninh) và đảo Các Bà. Tên Cát Bà ngày nay là do đọc chệch mà có.

Nhiều công trình nghiên cứu, điều tra, khảo sát đã cho thấy hải đảo Cát Bà là nơi còn khá phong phú về tài nguyên động, thực vật rừng, tài nguyên biển có nhiều di tích khảo cổ, văn hóa, lịch sử và là một thắng cảnh rất đẹp của nước ta. Theo đề nghị của thành phố Hải Phòng, ngày 28/5/1986 Chủ tịch hội đồng Bảo Tồn đã gửi công văn số 2175V10, cho phép xây dựng hải đảo Cát Bà thành một Vườn quốc gia. Đến ngày 31/3/1986 Vườn quốc gia Cát Bà chính thức được thành lập theo quyết định số 79/CP của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

2.1.2 Nhiệm vụ

- Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên còn tương đối nguyên vẹn.
- Bảo tồn các nguồn gen động, thực vật quý hiếm, các loài đặc hữu của vườn (Kim giao, Voọc đầu trắng, tu hài, cá heo, chim cao cát ...)
- Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các di tích khảo cổ và văn hóa lịch sử.
- Phục hồi hệ sinh thái rừng tại những điểm đã bị tác động, phục hồi các loài thực vật bản địa.

- Nghiên cứu cơ bản và thực địa phục vụ yêu cầu bảo tồn.
- Thực hiện các dịch vụ nghiên cứu khoa học, tuyên truyền giáo dục kết hợp với dịch vụ du lịch sinh thái.
- Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng, quản lý vùng đệm.

2.2 Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1 Vị trí địa lý

Vườn Quốc gia Cát Bà nằm trên hải đảo Cát Bà, tọa độ địa lý 20°43'50"-20°51'29" vĩ độ Bắc, 106°58'20"-107°10'05" Kinh độ Đông. Vườn nằm trên hòn đảo lớn nhất của quần đảo Cát Bà, cách thành phố Hải Phòng 60km và cách thủ đô Hà Nội 160km. Phía Bắc giáp xã Gia Luận, Đông giáp Vịnh Hạ Long, phía Tây giáp thị trấn Cát Bà và các xã Xuân Đám, Trân Châu, Hiền Hào.

VQGCB nằm trong quần đảo Cát Bà- nơi đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới vào ngày 1/4/2004. Không những thế, bên cạnh Cát Bà còn là các địa chỉ tham quan du lịch vô cùng hấp dẫn như: Vịnh Hạ Long- một trong những di sản thiên nhiên của thế giới tại Việt Nam, khu du lịch Đồ sơn. Điều này đã làm nổi bật lên giá trị thiên nhiên của VQGCB trong hệ thống các điểm du lịch lân cận.

Từ những phân tích trên, ta có thể nhận thấy rằng VQGCB có một vị trí hết sức thuận lợi và dễ dàng để thu hút khách du lịch. Việc kết hợp các điểm du lịch tại Quảng Ninh và trong thành phố Hải Phòng với các điểm du lịch tự nhiên tại VQG sẽ tạo nên một sản phẩm du lịch vô cùng đặc sắc đối với khách tham quan.

2.2.2 Địa hình

Hải đảo Cát Bà, bao gồm một hòn đảo chính khá lớn và 366 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau trải ra trên 1 vùng biển rộng tạo thành nhiều vịnh biển phẳng lặng như vịnh Cát Bà, vịnh Lan Hạ, vịnh Việt Hải...

Toàn bộ VQGCB gồm một vùng núi non hiểm trở có độ cao <500m trong đó đa phần là nằm trong khoảng 50-200m. VQG có diện tích khoảng 15.200ha, trong đó diện tích đất liền 9.800ha và diện tích mặt biển 5.400ha. Bao trùm toàn bộ đảo Cát Bà là các dãy núi đá vôi với độ cao trung bình là 150m so với mực nước biển. Cao nhất là đỉnh Cao Vọng (322m).

Nằm giữa các dãy núi đá vôi là các thung lũng tương đối phẳng có thể canh tác nông nghiệp như cánh đồng Khe Sâu, đồng Tép, hoặc tạo thành các rừng nguyên sinh như rừng Gia Luận, rừng Dạng, rừng Chè, rừng Bàng.

Dạng địa hình hang động là một đặc trưng của Cát Bà. Các hang động không lớn, có hình thái đẹp, nhiều thạch nhũ, nhiều ngách động như động Đá Hoa Gia Luận, động Trung Trang, hang Quân y...Nơi đây có nhiều bãi biển đẹp như Bãi Cát dứa, Vạn hội, Cát cò...

2.2.3 Đất đai

Vườn quốc gia Cát Bà có 5 nhóm đất chính:

- Nhóm đất trên núi đá vôi. Đó là loại đất phong hóa màu nâu đỏ hoặc nâu vàng phát triển trên núi đá vôi và sa thạch, tầng đất >50cm, pH = 6,5-7 Phân bố dưới tán rừng, rải rác trong vườn.
- Nhóm đất feralit màu nâu vàng hoặc nâu nhạt phát triển trên sản phẩm đá vôi ít chua hay gần trung tính. Trong nhóm đất này còn có loại feralit màu trắng xám hay màu nâu vàng phát triển trên diệp thạch sét chua vùng đồi trọc, tầng đất mỏng, cấu tượng xấu, nhiều đá lẫn, đất khô rời rạc.
- Nhóm đất thung lũng phát triển trên núi đá vôi tập trung ở các thung lũng, được rừng tự nhiên che phủ.

- Nhóm đất thung lũng ngập nước phát triển chủ yếu do quá trình bồi tụ, mùa mưa thường ngập nước, tầng đất mặt trung bình hoặc mỏng.
- Nhóm đất bồi tụ ngập mặn do sản phẩm bồi tụ ở cửa sông, phát triển trên vùng ngập mặn ở Cái Viêng, Phù Long.

2.2.4 Khí hậu- thủy văn

2.2.4.1 Khí hậu

Khí hậu tại điểm tham quan có vai trò rất quan trọng trong hoạt động du lịch, nó là nhân tố tạo nên nhu cầu du lịch và cũng là yếu tố giúp du khách lựa chọn thời gian tham quan, vui chơi giải trí tại điểm đó. Đối với VQGCB, khí hậu là yếu tố quyết định tính mùa vụ của hoạt động du lịch.

Do nằm trong vành đai chí tuyến Bắc, Cát Bà cũng như vùng Đông Bắc Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp khí hậu nhiệt đới gió mùa. Ngoài ra do nằm giữa vùng biển nên khí hậu Cát Bà còn mang tính chất hải dương ít khắc nghiệt hơn các vùng có cùng vĩ độ ở đất liền. Về mùa hè khí hậu ở Cát Bà rất mát mẻ, dễ chịu.

❖ Về chế độ nhiệt và bức xạ:

- Khu vực chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt đới nên cán cân bức xạ nhiệt luôn dương, nhiệt độ trung bình năm $25-28^{\circ}\text{C}$ bị phân hóa thành hai mùa do sự chi phối của hoàn lưu cực đới:

- Mùa hè (tháng 5- tháng 9), cao nhất là tháng 7 nhiệt độ trung bình $28-30^{\circ}\text{C}$
- Mùa đông (tháng 11- tháng 4) lạnh, thấp nhất là tháng 1 nhiệt độ trung bình $14-16^{\circ}\text{C}$

- Nhiệt độ cũng thay đổi theo mùa và theo chế độ gió, trung bình mùa hè là 27.9°C , mùa đông là 19.8°C . Vào mùa hè các tháng nóng nhất là 5,6 và 7 nhiệt độ đến $35-36^{\circ}\text{C}$ và kéo dài trong ngày. Vào mùa đông các tháng lạnh

nhất là các tháng 12, 1 và 2 có lúc nhiệt độ xuống dưới 10°C và kéo dài 5-7 ngày.

- Chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa khá rõ rệt: $8-10^{\circ}\text{C}$.

- Dao động giữa ngày và đêm là $5-6^{\circ}\text{C}$, trung tâm đảo có thể lên đến 10°C .

- Tổng nhiệt là $8000-8500^{\circ}\text{C}/\text{năm}$.

- Bức xạ nhiệt: Do độ cao mặt trời các tháng trong năm đều lớn nên bức xạ mặt trời có giá trị khá cao. Bức xạ nhiệt trung bình năm đạt $110-115\text{kcal}/\text{cm}^2$.

❖ Độ ẩm không khí:

Độ ẩm tương đối khá cao, trung bình năm khoảng 85% thấp nhất là tháng 1: 76% và cao nhất là tháng 4: 91%.

❖ Lượng mưa:

- Tổng lượng mưa trong năm 1.700 – 1.800 mm chia thành 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa (tháng 5- 10) trung bình có trên 10 ngày mưa/ tháng tổng lượng mưa 1500mm – 1600mm, chiếm 80- 90% lượng mưa năm. Mưa nhiều nhất là các tháng 7, 8 và 9 do mưa rào nhiều và bão, áp thấp nhiệt đới mạnh.

+ Mùa khô (tháng 11 - 4) trung bình có 6 - 8 ngày mưa/ tháng tổng lượng mưa đạt 200- 250mm, đầu mùa thường khô hanh và cuối mùa thường ẩm ướt vì có mưa nhỏ, mưa phùn.

❖ Hoàn lưu khí quyển và chế độ gió:

- Chế độ gió trên toàn khu vực chịu ảnh hưởng của hoàn lưu chung khí quyển và thay đổi theo mùa. Tốc độ gió trung bình năm 2.5m/s, cao nhất vào tháng 7 (3.4m/s) và thấp nhất vào tháng 1 (1.8m/s). Mùa hè gió mùa đông nam có hướng thịnh hành đông nam và nam, tốc độ trung bình 2.5- 3.0m/s, cực đại

20 – 30m/s. Mùa đông gió mùa đông bắc có hướng thịnh hành bắc và đông bắc, sau chuyển hướng đông và đông bắc vào cuối mùa, tốc độ trung bình là 2.5- 3.0m/s, tốc độ cực đại 20 -25m/s.

- Ngoài hai hướng gió chính, hàng năm ở Cát Bà còn xuất hiện một đợt gió khô nóng hướng Tây. Mỗi năm trung bình 2 đợt, có năm 5 đợt, có đợt kéo dài tới 10 ngày. Trong những ngày này nhiệt độ có trên 39°C, độ ẩm xuống thấp 55%. Loại gió này thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 8.

- Bão ở Cát Bà có thể xuất hiện sớm từ tháng 4 và kéo đến hết tháng 10 nhưng tập trung nhiều vào các tháng 7, 8 và 9. Bình quân mỗi năm có 2,5 trận bão có năm có 6 trận, trung bình là cấp 8 đến cấp 10, cao nhất là cấp 14 lượng mưa lớn từ 50- 1000mm.

2.2.4.2 Chế độ thủy văn

Do địa hình núi đá vôi, hiện tượng karst mạnh với nhiều hang động và khe kẽ nên bề mặt địa hình trên đảo Cát Bà không có sông suối thường xuyên mà chỉ có những dòng suối cạn dẫn nước tới các khe tiêu vào mùa mưa.

Vào mùa mưa nước đọng lại ở những vùng nhỏ, thấm giọt trong các hang động. Tuy rất ít nhưng đây lại là nguồn nước ngọt khá thường xuyên cho động thực vật và cung cấp cho dân cư trên đảo.

Điển hình của hệ thống suối ngầm là: suối Thuồng Luồng, suối Treo Cơm, suối hai Trung Trang, suối Việt Hải. Một nguồn nước có giá trị là Ao Ếch. Đó là một hồ nước thiên nhiên diện tích khoảng 3 ha quanh năm giữ một mực nước trên dưới 50cm trên vùng núi đá vôi, núi non hiểm trở, ở ngay trung tâm khu rừng nguyên sinh.

2.2.5 Tài nguyên sinh vật

❖ Thực vật

Rừng Cát Bà được coi là một khu rừng tự nhiên khá độc đáo nằm giữa biển rộng bao la. Trên hải đảo Cát Bà diện tích núi đá vôi chiếm 19827 ha, trong đó phần diện tích có cây che phủ là 13200 ha chiếm 60%.

Do địa hình núi đá vôi hiểm trở nên đây còn giữ lại một thảm rừng mưa nhiệt đới thường xanh đặc trưng của miền Bắc. Rừng Cát Bà có một kiểu chính là rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa ở đai thấp. Nhưng do điều kiện địa hình, đất đai và chế độ ngập nước nên ở đây có một số kiểu phụ như: rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn và rừng ngập nước với đặc trưng là cây Vả nước ở khu Ao Ếch tạo ra một cảnh quan rất đặc sắc.

- Rừng ở các thung, áng và chân núi đá vôi có 3 tầng cây gỗ, độ tàn che 0,6 đến 0,8 và ít bị tác động:

+ Tầng 1 cao trên 20m với các loại cây sấu, gội nếp, phay, săng lẻ, cà lồ, lim xẹt.

+ Tầng 2 cao trên 12m gồm các cây tàng, chẹo, ngát, búa.

+ Tầng 3 cao trên 8m gồm các cây gỗ nhỏ của hai tầng trên và các cây khác như thau linh, trọng đũa.

Tầng cỏ quyết không có, chỉ nơi nào tán rừng mở rộng mới có lá che và lá khô.

Thực vật ngoại tầng thường là các cây dây leo gỗ như nho rừng, dây quạch, dây chung bầu.

Loại hình rừng này thường có trữ lượng gỗ từ 80- 150m³ phân bố ở các thung lũng, áng của trung tâm khu đảo Cát Bà như áng Lụt Trong, áng Lụt Ngoài, áng re bờ đa, áng Man Tấu, áng Mái Cọ, áng Cây cau, áng Rạng, áng Mây Bầu, áng Phay, man Cháy, dọc đường và trong các thung lũng từ Việt Hải sang Trà Báu và từ Trà Báu đi Gia Luận.

- Rừng trên các sườn núi đá vôi cũng ít bị tác động. Đất thường có đá nổi chiếm 50 - 70%, độ tán che của rừng từ 0,4 - 0,6. Tầng rừng đơn giản hơn chỉ có hai tầng cây gỗ là:

+ Tầng 1 cao 15 - 20m gồm các cây như dâu da xoan, màu cau đá, trường, nhãn rừng... nơi có tầng đất dày thì có rải rác cọ Bắc Sơn cao 20 - 30m.

+ Tầng 2 cao dưới 10m có mạy tèo, lèo heo, các cây con của tầng trên.

+ Tầng cỏ quyết có các cây mọng nước của họ Gai, họ Lan.

- Rừng trên đỉnh núi đá vôi do luôn có gió mạnh nên các cây gỗ thường cao không quá 5m, thực bì chỉ có từ 1- 2 tầng. Các loài thực vật thường là huyết giác, nhọ nổi, xanh quýt, móc mật... rải rác các cây cọ xẻ có tàn che từ 0,2- 0,3. Dưới tán có xương rồng, chân chim núi mọc xen lẫn với loại dây leo và cây bụi như dây móng bò, cây chiêm chiến. Nơi gió mạnh thường chỉ gặp loài trúc đũa.

- Khu rừng Kim giao: ở khu vực Trung Trang có một khu rừng non thuần cây kim giao mọc khá tập trung trên diện tích chừng 32ha. Những cây Kim giao có đường kính lớn đã bị chặt hết chỉ còn lại một vài cây có đường kính từ 30 - 40cm ở sâu hơn trong rừng. Cây Kim giao non có đường kính cỡ từ 5 - 15cm, mật độ trung bình 4000 - 5000 cây/ ha, nhiều cây đã cho quả hàng năm và có rất nhiều cây con mọc ở mặt đất. Đây là một khu rừng rất quý trong hệ thực vật miền Bắc Việt Nam và theo các nhà chuyên môn loại cây này đang trên đường bị tiêu diệt. Khu rừng non của loài thực vật hạt trần này đang được tu bổ và cải tạo thêm, chuyển hóa dần sẽ là một khu rừng giống bảo vệ nguồn gen phục vụ cho công tác khoa học và tham quan du lịch có giá trị cao.

- Rừng ngập nước trên núi Ao Éch: Đây là đầm nước ngọt duy nhất nằm trên núi cao, trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt của VQGCB trên tuyến du

lịch đi làng Việt Hải, cách trung tâm vườn 5km, có diện tích chừng 3ha. Mực nước của hồ Ao Éch có độ cao trung bình 50cm, bùn lầy thụt, chỉ có cây Và Nước thuộc họ liễu. Cây cao 8 - 15m, đường kính từ 15 - 20cm. Để thích nghi với môi trường thường xuyên bị ngập nước, mỗi cây đều có hệ thống rễ thở rất độc đáo. Các nhà chuyên môn gọi nó là loại rừng đơn ưu vì chỉ có một loài cây mọc tập trung chiếm ưu thế trong toàn khu rừng. Rừng ở đây có thể so sánh với rừng ngập nước ngọt mà loài cây ưu thế là loại cây đại phong tử của khu rừng cấm Nam bãi Cát Tiên ở Đồng Nai và những cánh rừng tràm U Minh của miền Tây Nam Bộ.

Do có điều kiện tự nhiên thuận lợi và nguồn nước ngọt dồi dào; Ao Éch trở thành nơi cư trú của rất nhiều loài thú nhỏ như chuột sóc; nhem; chồn..., các loài chim; rùa núi; rắn; ếch; nhái và động vật thủy sinh như: cua; cá. Ao Éch là một trong những sinh cảnh quan trọng bậc nhất của VQGCB. Tại đây chỉ có một loài thực vật thân gỗ duy nhất sinh sống là cây Và Nước thuộc họ Liễu. Loài cây này có đường kính 13cm; độ cao trung bình 12m; phát triển rất mạnh với mật độ 2500 cây/ha, mọc đều trên toàn bộ mặt đầm. Thân cây và cành cây có nhiều loại hình thù kỳ lạ để khiến ta liên tưởng đến những con vật trong rừng như trăn, rắn hoặc tắc kè. Ao Éch là một trong những điểm tham quan hấp dẫn để du khách khám phá sự kỳ bí của tự nhiên ở VQGCB.

- Rừng ngập mặn là kiểu rừng được phân bố phần lớn ở phía Tây Bắc của đảo Cát Bà trên địa phận của xã Phù Long cách trung tâm VQG khoảng 20 - 25 km. Đây cũng là loại rừng điển hình cho kiểu rừng ngập mặn ở miền Bắc Việt Nam. Rừng ở đây bao gồm các cây thường xanh lá cứng cao từ 1-3m, có khi 5 - 7 m. Mặc dù sống trong vùng ngập nước nhưng vẫn là cây khô hạn có nhiều đặc tính sinh học đặc biệt. Sống và phát triển ở các vùng bãi triều hàng ngày nước lên xuống nên một số loài cây có đặc tính là nảy mầm ngay trên thân cây, khi quả chín và rụng xuống đất là đã có rễ bám sát vào đất bùn giúp không bị thủy triều cuốn đi.

Rừng ngập mặn còn là hệ sinh thái đặc biệt, quan trọng đối với biển. Nơi đây là chỗ cư trú, sinh sản của nhiều loại động vật thủy sinh như: cá, tôm, các loài nhuyễn thể, động vật hai mảnh như trai, ốc, vẹm ... và các loài động vật chân đốt. Đặc biệt đây là nơi cư trú lý tưởng của các loài chim nước và là vùng trú đông quan trọng của nhiều loài chim di cư phương bắc: sâm cầm, chim lặn, cốc đế, cuốc, vịt trời và chim nhạn.

Khu vực rừng ngập mặn ở phía Tây Bắc đảo có diện tích trên dưới 1000 ha. Thực vật ở đây thuộc họ đước, họ ô rô, họ ráng, họ cỏ tai ngựa, họ bần, họ báng và họ thầu dầu. Rừng thường chỉ có một tầng, các loài chiếm ưu thế là đước xanh, vẹt dù, sù.

Khu vực đảo có rừng nhiệt đới xanh tốt quanh năm là bao gồm phần chính của VQGCB, bao phủ một diện lớn, diện tích khoảng 15.067 ha (trong phân chia khu dự trữ sinh quyển thì đây là đước coi là khu vực 1).

- Khu vực có mức độ đa dạng sinh học cao, đã thống kê được 745 loài thực vật bậc cao, thuộc 495 chi và 149 họ bao gồm;

- + Cây gỗ lớn: 145 loài
- + Cây gỗ nhỏ: 120 loài
- + Cây bụi: 81 loài
- + Cây nửa bụi, dây leo: 50 loài
- + Thân thảo đứng: 237 loài
- + Thân thảo leo: 56 loài
- + Quyết thực vật: 56 loài
- + Họ thầu dầu: 44 loài
- + Họ cỏ nứa: 30 loài
- + Họ đậu cánh bướm: 26 loài

+ Họ dâu tằm: 25 loài

+ Họ cà phê: 23 loài

+ Họ cúc: 20 loài

+ Họ tếp: 15 loài

+ Họ hoa môi: 13 loài

+ Họ na: 10 loài

+ Họ sim: 11 loài

+ Họ bồ hòn: 10 loài

+ Họ cam: 15 loài

+ Họ long não: 16 loài

Với thành phần loài và họ thực vật nêu trên, với số lượng các loài dây bụi, cây bụi, dây thảo, dây leo nhất là dây leo thảo chiếm ưu thế càng cho thấy rừng ở Cát Bà phần lớn là rừng thứ sinh đã bị tác động mạnh của con người.

Khu vực còn rừng nguyên sinh không nhiều, thường nằm ở một số thung lũng, áng khó ra như áng Lụt Trong, áng Lụt Ngoài, áng ra, áng Sáu và trên các núi đá vôi. Trong các thung lũng ấy còn lại khu rừng với những cây gỗ to như: chay, lim, lý, đinh, ghè đuôi giông, sáu, gôi nếp, dâu da xoan, vàng kim, chò, chò đái, kim giao. Các loài cây có giá trị cao về kinh tế và khoa học như:

- Cây trai lý là một cây gỗ lớn mọc trên vùng núi đá vôi, gỗ cứng trạm trổ và đánh bóng rất đẹp (tên địa phương gọi là cây mần mái).

- Cây chò đái gỗ lớn, rụng lá, thường phân bố ở trong các thung lũng ven suối ở các núi đá vôi, thuộc họ hồ đào đại diện cho vùng ôn đới lạnh. Loài này hiện chỉ còn phân bố ở một số địa phương của miền Bắc nước ta như ở Cúc Phương cây cao to với đường kính 90 - 100cm, chiều cao 35 - 40m. Tại

Cát Bà loại này cũng có nhiều nhưng kích thước không bằng các cây ở VQG Cúc Phương.

- Cây lát hoa là cây gỗ lớn thường hay mọc trên vùng núi đá vôi, gỗ lát là một trong những loại gỗ đẹp nhất Việt Nam dùng đóng đồ gia dụng khi đánh bóng vân nổi lên rất đẹp. Do giá trị sử dụng rất quý của nó, lát hoa đang bị khai thác bừa bãi nên nó có nhiều nguy cơ bị tiêu diệt.

- Cây đinh cũng là một loại cây gỗ lớn mọc ở vùng thung lũng đá vôi, loài cây này chỉ mọc ở vùng nhiệt đới, có đặc điểm là hoa quả mọc trên thân, gỗ rất cứng và là một trong tứ thiết mộc của nước ta.

- Cây gọi nếp thân gỗ đứng, dáng đẹp, cho gỗ quý. Tên địa phương là cây vọng chum.

- Cây Kim giao: là loại cây thường mọc trong rừng rậm nhiệt đới thường xanh mưa mùa ẩm trên núi đá vôi ở độ cao trung bình trên 50m và thường chiếm ưu thế trong tổ thành cây đứng. Ở Vườn quốc gia Cát Bà, rừng Kim giao cách trung tâm vườn khoảng 1km phân bố trên diện tích khoảng 20ha. Chiều cao trung bình 8m, đường kính ngang ngực 9cm, mật độ cây đứng khoảng 1500 - 2500 cây/ha.

Cây Kim giao thuộc họ Kim giao là cây gỗ lớn, đường kính thân có thể đạt tới 0,8 - 1m và chiều cao có thể đạt tới 25m - 30m. Lá Kim giao mọc đối chéo chữ thập, thưa, hình mác, chất da, đầu có mũi nhọn, gốc hình nêm. Khi trưởng thành lá dài 8cm - 18cm; rộng 4cm - 5cm mang lỗ khí ở mặt dưới. Cuống lá dẹt; dài 5mm - 7mm.

Nón đực đơn độc thường chụm 3- 5 nón trên cùng 1 cuống ở nách lá, hình trụ dài 2 - 3cm. Nón cái mọc đơn độc ở nách lá. Đế hạt Kim giao hóa gỗ, không nạc, dài 1,5cm - 2cm. Hạt hình cầu, có chóp nhọn phía trên, đường kính 1,5 - 1,8 cm màu lam thẫm. Mùa ra nón của cây Kim giao vào tháng 5, mùa quả vào tháng 10 - 11. Cây tái sinh bằng hạt, nhân hạt chứa 50% - 55%

dầu béo. Đây là một loại cây gỗ quý, có thớ thẳng mịn, màu vàng nhạt, đẹp, làm đồ dùng trong nhà, đồ đạc văn phòng, nhạc cụ, đặc biệt làm đĩa ăn. Theo các nhà thực vật học cây Kim giao là cây đại diện cho luồng thực vật học đã di cư về phía Nam từ kỉ đệ tam có nguồn gốc từ quần đảo xa xưa thuộc Thái Bình Dương, tên địa phương là cây rù rì. Tuy nhiên cây Kim giao đang bị khai thác quá mức trên phạm vi cả nước. Sách đỏ Việt Nam xếp cây Kim giao ở bậc V (có nguy cơ tuyệt chủng). Cây Kim giao đang là đối tượng bảo vệ của nhiều Vườn quốc gia như Cát Bà, Cúc Phương, Bạch Mã.

- Cây cọ Bắc Sơn tên địa phương là cây báng. Cây thuộc họ cau dừa có thân cột, cao dưới 30m, đường kính 60cm, dáng đẹp, mọc ở các thung lũng, chân và sườn núi đá vôi, nó là một loài cây đặc hữu của miền Bắc Việt Nam. Thân cây dùng làm dược liệu, nguyên liệu rất bền, không bị mối mọt. Lõi thường chứa nhiều tinh bột nên nhân dân thường chặt lấy mang về giã dùng trong những thời kỳ giáp hạt.

Trên đây là những loài cây quý hiếm đang có nguy cơ bị tiêu diệt được đưa vào sách đỏ Việt Nam.

Ngoài các giá trị về thực vật kể trên, qua điều tra về Cát Bà có khoảng 357 loài cây có thể làm thuốc chữa bệnh như huyết giác lá khô, cây một lá, chân chim núi, dây bình vôi, dây hoa kim ngân, sơn tiêu, dạ cẩm, hy thiên, cầu tích, ích mẫu, bồ công anh, trọng đũa... Khả năng trồng và mở rộng nguồn dược liệu địa phương cũng rất phong phú để đáp ứng nhu cầu phòng và chữa bệnh của nhân dân.

❖ Động vật

Theo điều tra nghiên cứu của các nhà chuyên môn, trên đảo Cát Bà có 282 loài động vật trên cạn, trong đó có 20 loài thú, 69 loài chim, 15 loài bò sát và lưỡng cư, 11 loài ếch nhái.

Các loài động vật có vú ở Cát Bà là: Voọc đầu trắng, khỉ vàng, khỉ đuôi lợn, khỉ mặt đỏ, voọc quần đùi, sơn dương, nai, hoẵng, rái cá, mèo rừng, cây giông, cây hương, sóc đen, sóc bụng đỏ, sóc chuột, nhím, don, dúi, dơi lá mũi.

Hệ động vật trên đảo mang sắc thái đặc thù của hệ sinh thái vùng núi đá ven biển, thể hiện sự phong phú của các loài động vật thích nghi với sinh cảnh núi đá vôi như: sơn dương, khỉ vàng, nhím, sóc đen. Trong số những loài động vật ở Cát Bà có nhiều loại động vật có giá trị kinh tế cao như: nai, hoẵng, sơn dương, cây giông, mèo rừng, nhím, don và các loài khỉ. Ngoài ra còn có một số loài được đưa từ nơi khác về đây để gây nuôi hoặc cứu hộ: hươu sao và khỉ đuôi dài.

Các loài thú quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam:

Bậc E: Là những loài đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt gồm Đồi mồi, Quần đồng, Rùa da, Ác là, Quạ khoang, Voọc đầu trắng, Voọc quần đùi trắng.

Bậc V: Những loài có nguy cơ bị tổn thất gồm 13 loài: Kỳ đà nước, Trăn đất, Rắn hổ chúa, Đền vảy bụng không đều, Vích, Khỉ mặt đỏ, Khỉ đuôi lợn, Sơn dương, Hươu sao, Hoẵng, Tê vê vàng, Sóc bụng đỏ.

Bậc R: Loài có vùng phân bố hẹp, số lượng ít gồm 4 loài: Cóc đế, Cò thìa, Yến núi, Mòng biển đen.

Bậc T: Loài tương đối an toàn, gồm 7 loài: Tắc kè, Rắn ráo thường, Rắn ráo trâu, Rắn hổ mang, Le khoang cổ, Rái cá thường.

Trong VQG còn có nhiều loại trăn, rắn như: rắn ráo, rắn roi thường, rắn lục núi, rắn nước, rắn sãi thường, rắn lục mép, rắn hoa cỏ nhỏ và rắn sọc dưa. Nhiều loài tắc kè, thằn lằn, ô rô cũng có mặt ở đây.

Hiện nay trăn, rắn và nhiều loại thú quý hiếm trên đảo Cát Bà vẫn đang bị lén lút săn bắn, bẫy bắt để đem bán.

Nhiều loại thú hiện nay có trên đảo Cát Bà là những loài thú quý hiếm, đặc hữu có giá trị khoa học và đang bị đe dọa tuyệt chủng đặc biệt là Voọc đầu trắng.

Voọc đầu trắng ở Cát Bà có tên địa phương là Voọc đen, Khi đen, Càng đen đầu trắng. Đây là loài linh trưởng đặc hữu không còn tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới ngoài Cát Bà.

Voọc đầu trắng là loài thú cỡ lớn, con trưởng thành có trọng lượng cơ thể khoảng 6,5 - 7,6 kg với chiều dài đuôi 82cm - 87cm. Ở những cá thể trưởng thành đầu và vai con đực có lông màu trắng nhạt; con cái màu lông thẫm hơn; thân màu đen. Voọc đầu trắng thường có vết lông chữ V màu xám ở vùng mông. Chân, tay và đuôi rất dài. Con non có bộ lông màu vàng nhạt, đuôi vàng thẫm.

Voọc đầu trắng sống thành từng đàn gồm 5 - 15 con; do một con đực chỉ huy. Trên đảo Cát Bà; loài Voọc này sinh sống chủ yếu ở khu vực Và Giá (Trà Báu), Cửa Cái (Việt Hải), Xuân Đám và thung lũng. Môi trường sống lý tưởng của Voọc đầu trắng là những rừng cây gỗ và dây leo mọc trên vách đá độ cao 100m - 150m so với mặt biển. Thức ăn của chúng là chồi non; lá và quả rừng như đa; huyết dụ; hạt mã tiền. Khi kiếm ăn; con đực đầu đàn thường chọn một ngọn cây hay mỏm đá cao đứng canh gác cho cả đàn. Nếu gặp nguy hiểm, nó phát tín hiệu báo động cho cả đàn tìm nơi ẩn nấp.

Voọc đầu trắng leo trèo giỏi và vận động nhanh trên mặt cây cũng như trên mặt đất. Mùa đông Voọc ngủ trong hang; mùa hè thường ngủ trên cây mọc trên cửa hang. Ở Cát Bà ta thường gặp Voọc sống chung với Khi vàng. Năm 1994, các nhà khoa học xác định quần thể Voọc đầu trắng ở Cát Bà có 14 đàn với số lượng 131 cá thể. Tháng 10/1999, các nhà khoa học quốc tế đã tiến hành khảo sát và thông báo rằng quần thể Voọc đầu trắng ở Cát Bà hiện còn khoảng 100 cá thể; có nguy cơ bị tuyệt chủng nếu không được bảo vệ hợp lý.

Voọc đầu trắng là một loài thú đặc hữu của đảo Cát Bà và của Việt Nam được xếp mức E (nguy cấp) trong sách đỏ Việt Nam (1992) và mức EN (nguy cấp trong sách đỏ thế giới-1996). Nghị định 18 HĐBT ngày 17/1/1992 của chính phủ Việt Nam xếp Voọc đầu trắng vào nhóm I-B, gồm những loài động vật đặc hữu, có giá trị đặc biệt khoa học kinh tế, có số lượng ít hoặc đang có nguy cơ bị tuyệt chủng và nghiêm cấm khai thác sử dụng.

Các loài thú quý khác như khỉ vàng, sơn dương cũng đang bị giảm số đàn nghiêm trọng.

Theo thống kê sơ bộ; có khoảng 160 loài chim sinh sống trong khu vực VQG thuộc hai nhóm chính: chim rừng mưa nhiệt đới và chim di cư. Loài chim thường gặp là Chim lặn, Mòng két, Vịt trời, Gà nước, Cuốc ngực trắng, Gà lôi nước, Sâm cầm, Cu xanh khoang cổ, Cu gáy, Cu đuôi, Cốc đế, Cỏ rần, Bách thanh đầu đen; Hút mật đỏ...

Du khách có thể gặp và quan sát được chim ở khắp nơi trên đảo Cát Bà. Các loài chim nước như Chim lặn; Mòng két, Vịt trời, Gà nước; Cuốc ngực trắng; Gà lôi nước. Ó biển thường sống dọc bờ biển trong vùng rừng ngập mặn, đầm lầy bãi bồi. Hồng hoàng và Cao Cát bụng trắng thường sống ở khu rừng nguyên sinh có nhiều cây cổ thụ có quả ăn chín để ăn ở khu vực Áng Rang và Mây Bàu, là những loài chim quý có kích thước lớn và màu sắc đẹp đã được sách đỏ VN xếp ở bậc T. Bói cá, Gõ kiến, Chích chòe, Chào mào, Phường chèo đỏ; Khướu; sáo; Bách thanh cũng là những loài chim hót hay và có màu sắc sặc sỡ.

VQG còn là điểm dừng chân của nhiều loại chim di cư tránh rét từ Phương Bắc. Tiêu biểu là chim Nhạn, thường tới vào tháng 11-12 và chim Cuốc thường tới vào tháng 10- 11 hàng năm.

Cạnh đó là loài ong mật ở trên vùng đảo đã từng nổi tiếng có mùi vị thơm ngon, chất lượng cao nên từ lâu nhân dân trên đảo đã khai thác các loại mật ong rừng và coi đó như một nghề phụ.

Nhân dân trên đảo cũng đã sử dụng các sản phẩm lấy từ động vật để làm các loại thuốc phòng và chữa bệnh: cá ngựa chữa bệnh suy nhược thần kinh; mẫu lệ, ô tặc cốt chữa bệnh đau; loét dạ dày; đồi mồi bổ dưỡng và chữa kiết lị; khỉ vàng; khỉ mặt đỏ chế vaccin chống bại liệt; sơn dương làm thuốc bổ toàn thân và chữa phong thấp; tắc kè bổ dưỡng chống mệt mỏi; rắn cạp nong là một loại thuốc bổ; xác rắn chữa trúng phong, sát trùng; rùa, bìm bịp làm thuốc bổ thận; mật ong làm thuốc bổ chữa dạ dày; trăn nẫu cao làm thuốc bồi dưỡng cơ thể và chữa bệnh thấp khớp...

Nguồn tài nguyên động vật trên đảo không phải là vô tận. Muốn đảm bảo cho nhu cầu lâu dài cần phải có biện pháp giữ gìn và bảo vệ chăn nuôi và khai thác hợp lý, có kế hoạch. Các nhà khoa học ở đây đang tiến hành những biện pháp tích cực làm tăng nhanh số lượng đàn, số lượng cá thể và gây giống lại cho VQG những loài động vật quý đã bị tiêu diệt.

Qua các tài liệu nghiên cứu khoa học và xương răng động vật cùng với di chỉ của người trên đảo có thể thấy rằng trong số quần thể trước đây của Cát Bà có voi, gấu, ngựa, hươu, nai, lợn rừng... Vào thời kì đó Cát Bà còn là một bộ phận của đất liền nên các loài thú có thể di chuyển trong khu vực một cách dễ dàng trong đó loài voi còn sống khá phổ biến trên cả khu vực đất liền và khu đảo ngày nay. Có lẽ cùng với sự săn bắt, tàn phá môi trường của con người, giống vật hữu ích này đã bị tiêu diệt ở đây cũng như nhiều vùng núi khác trên đất liền.

Vì vậy, trong tương lai, công tác nhập giống để nuôi và thuần dưỡng các loài thú quý đã bị mất đi trên đảo là một việc làm có ý nghĩa khoa học và kinh tế lớn. Tuy cần phải có những nghiên cứu và điều tra thêm song điều cơ bản là môi trường sống trên đảo đã là nơi sinh sống của các loài đó trước đây. Nhiệm vụ đó cũng chính là đối tượng nghiên cứu khoa học của VQGCB nhằm bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn tài nguyên cũng như quần thể động vật đa dạng của hòn đảo xinh đẹp này.

Trong những năm đầu của việc xây dựng, VQG sẽ nuôi thuần dưỡng lại đàn hươu, nai và sau đó có thể nhập nuôi các loài thú khác như gấu ngựa, báo...

2.3 Đặc điểm kinh tế- xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2.3.1 Dân số

Trong ranh giới của VQGCB chỉ có duy nhất một xã đó là xã Việt Hải. Thành phần dân tộc của cư dân sống tại đây chủ yếu là người Kinh.

Đây là khu vực dân cư thứ nhất của VQGCB. Từ Bến Bèo (Cát Bà) đi tàu thủy đến xã Việt Hải mất 40 phút, sau đó vào xã còn 5km đi bằng xe ôm hoặc đường bộ. Đường bộ từ Khe Sâu thuộc thôn Hải Sơn, xã Trân Châu đến trung tâm xã Việt Hải bằng đường rừng dài 7km nhưng là đường mòn nên ít người dám đi. Cả xã có 82 hộ dân với 285 nhân khẩu, sinh sống chủ yếu ở 2 bên đường trải dài hơn 1km sát chân núi. Họ chủ yếu sống bằng nghề trồng trọt trên nương rẫy, 80% gia đình làm nghề nông, còn lại làm nghề khác như khai thác lâm sản.

Khu dân cư thứ hai của VQGCB chính là khu trung tâm trụ sở của Ban quản lý với số dân là 170 nhân khẩu của 38 hộ gia đình. Nhân dân ở đây chủ yếu là cán bộ công nhân viên về hưu, đất canh tác không có, do vậy họ chủ yếu sống bằng nghề chăn nuôi gia súc và các nghề khác như kiếm củi, buôn bán.

Hiện nay, ban quản lý VQG đã có dự án chuyển một số hộ này ra vùng Đồng Cỏ (Khe Sâu) định cư. Nhìn chung đời sống của các hộ gia đình trong vườn quốc gia còn khá khó khăn và thiếu thốn vì vậy họ đã có nhiều việc làm gây tác động xấu đối với thiên nhiên và môi trường nơi đây. Vì vậy, Ban quản lý VQG và chính quyền địa phương cần có chính sách và biện pháp giáo dục để nâng cao nhận thức đồng thời tạo thêm công ăn việc làm cho người dân.

2.3.2 Yếu tố văn hóa dân tộc, lịch sử

Năm 1938, nhà khảo cổ người Pháp đã phát hiện di chỉ Cái Bèo. Qua nhiều lần khai quật và kết quả phân tích Dioxit cacbon cho biết người Việt cổ có mặt ở đây cách ngày nay trên 6000 năm.

Môi trường thiên nhiên của Cát Hải đã là cái nôi của người cổ xưa. Các nhà khảo cổ đã tiến hành khai quật 17 địa điểm trên đảo Cát Bà, kết quả cho thấy có tới 15 điểm có dấu tích của người cổ xưa như hang Eo Bùa thuộc xã Hiền Hào, Tùng Bà thuộc VQG, Bờ Đá, Khoảnh Mui thuộc xã Trân Châu, Áng Giữa thuộc xã Việt Hải.

Gần đây các nhà khảo cổ đã tìm thấy hơn 400 hiện vật bằng đá, 15000 mảnh gốm, 5000 mảnh đá nguyên liệu có niên đại cách đây khoảng 5000 năm thuộc một phần của nền văn hóa Hạ Long vừa được khai quật tại khu Cát Đồn, Xuân Đám, Cát Hải. Cùng với số hiện vật tìm được ở Cái Bèo (Cát Bà) và Bãi Bền (xã Việt Hải) cho thấy nền Văn hóa của người Việt cổ trên đảo Cát Bà rất phát triển và đã từng giao thoa với các nền văn hóa ở Thanh Hóa và văn hóa Phùng Nguyên ở Đông Bắc Bộ.

Từ những hiện vật cổ xưa được tìm thấy ở xã Việt Hải cho thấy rằng Việt Hải có dấu chân cư trú của con người từ rất lâu, có một nền văn hóa cổ xưa.

Đến với Việt Hải du khách không chỉ được sống trong một xóm làng còn mang dáng dấp của một cộng đồng nguyên thủy mà sẽ còn được hòa mình vào không khí sôi nổi, hào hứng của lễ hội truyền thống nơi đây. Lễ hội nhằm ngày 1/4 dương lịch, ngày mà 1959 Bác Hồ về thăm làng cá Cát Bà.

Làng chài Việt Hải, làng thuần nông lâm Việt Hải là những làng nghề truyền thống cũng có khả năng thu hút khách du lịch.

2.4 Điều kiện phục vụ tham quan, du lịch

2.4.1 Cơ sở hạ tầng

Trong những năm gần đây, VQGCB đã đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, một số công trình phục vụ công tác bảo tồn, bảo vệ các hệ sinh thái.

Công trình có tầm quan trọng nhất cho việc tham quan du lịch là tuyến đường nhựa dài 15 km nối liền từ thị trấn Cát Bà tới VQGCB. Bên cạnh VQG là văn phòng hạt kiểm lâm.

Phòng đón tiếp được đặt ngay cạnh cổng VQG. Kế đến, là căng tin và chỗ nghỉ cho khách trong thời gian đợi mua vé, phòng trưng bày và cuối cùng là dãy nhà dành cho khách tham quan có nhu cầu nghỉ qua đêm tại vườn.

Phía bên trái cổng VQG là hai dãy nhà hai tầng là trụ sở của Ban quản lý của VQG, được xây dựng khá khang trang.

- Giao thông đến với VQGCB khá thuận lợi đối với khách du lịch:

VQGCB cách thành phố Hải Phòng 45km. Từ Hải Phòng du khách có thể đến với Cát Bà bằng đường bộ hoặc đường biển.

Đường bộ có xe ô tô, xe máy, đi bằng phương tiện này mất khá nhiều thời gian vì phải qua hai phà: phà Đình Vũ và phà Bến Gót, hơn nữa đường đi khá gập ghềnh cheo leo. Vì vậy, chỉ thích hợp cho thanh niên - những người khỏe mạnh và ưa mạo hiểm.

Đường biển thì có một số tàu cao tốc, tàu cánh ngầm và tàu bình thường. Tàu cao tốc của công ty vận tải thủy Bắc Lim Bang chứa 108 khách, chạy mất khoảng 1h. Công ty vận tải Sông Biển Hải Phòng có 3 tàu HP1, HP2, HP3 và một tàu cánh ngầm với sức chứa khoảng 300 khách, riêng tàu cánh ngầm thời gian chạy mất khoảng 45 phút.

Du khách cũng có thể đi từ Bến Bính để ra Cát Bà. Hoặc xe khách Hoàng Long sẽ chở khách từ Bến Bính ra đến bến phà Đình Vũ. Điểm dừng là xã Phù Long, tại đó xe khách của Hoàng Long sẽ đưa khách tới thị trấn Cát Bà. VQGCB nằm trên tuyến đường lên thị trấn.

Tại xã Việt Hải cũng được đầu tư 4 km đường nhựa từ làng ra tới bến phục vụ việc đi lại của bà con nhân dân.

- Hệ thống cấp nước

Hệ thống nước sử dụng trong nhà nghỉ tại vườn khá đầy đủ và thuận tiện.

- Hệ thống cấp điện, mạng lưới thông tin liên lạc

Từ năm 2004 đến nay, xã Việt Hải vẫn phải dùng điện bằng máy phát do ngân sách đầu tư. Nhưng chỉ còn mấy tháng nữa thôi, mạng lưới điện quốc gia sẽ đến với xã Việt Hải. Để có điện lưới, Điện Lực Hải Phòng phải đầu tư 13,6 tỷ đồng. Công ty quyết tâm hoàn thành để đưa điện lưới về Việt Hải đúng vào dịp kỷ niệm Quốc Khánh 2- 9- 2009. Thời gian chỉ có mấy tháng, nhưng khối lượng công việc khá lớn. Các đơn vị thi công phải xây dựng 1 trạm biến áp trung gian Cát Bà công suất 1000KVA, tuyến cáp ngầm dài gần 5,9km từ trạm biến áp tới xã Việt Hải, trạm biến áp treo Việt Hải công suất 250KVA- 10/0,4KV. Mỗi ngày chạy 6h từ 17h – 23h, riêng mùa hè thêm 2 buổi trưa. Mỗi năm ngân sách của Huyện phải bù lỗ 270 triệu đồng để chạy máy phát.

Tại Ban quản lý, nhà nghỉ tại trung tâm vườn hệ thống điện khá đầy đủ. Mạng lưới thông tin liên lạc đã được lắp đặt tại khu trung tâm. Tại phòng trung bày được trang bị một máy tính và một máy chiếu để phục vụ cho việc giới thiệu về VQG khi du khách đến tham quan.

Tuy nhiên mạng điện thoại còn chưa được lắp đặt trong phòng nghỉ. Điều kiện địa hình tại đây đã ảnh hưởng đến khả năng bắt tín hiệu của mạng điện thoại di động.

2.3.1 Các tuyến đường mòn

Bên cạnh tuyến giao thông chính còn có các tuyến đường mòn trong VQGCB. Đi theo các tuyến này là một trong những hoạt động du lịch thú vị, giúp du khách cảm nhận được sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên.

▪ Tuyến trung tâm vườn - Rừng Kim giao

Tuyến đường mòn này có độ dài 1km đi bộ hết 30 phút. Đường tương đối dễ đi. Xuất phát từ cổng vườn du khách đi dọc đường bê tông; có thể ghé thăm vườn thú và vườn thực vật. Sau đó, từ chân núi đi theo những bậc đá tới ngã ba đầu tiên; rẽ sang phải sẽ đi tới rừng Kim giao, một loài cây gỗ quý hiếm.

▪ Tuyến trung tâm vườn - đỉnh Ngự lâm

Độ dài 1,5km, thời gian đi bộ hết khoảng 1h. Xuất phát từ trung tâm vườn. Khi đi đến ngã 3 đầu tiên không rẽ phải để lên rừng Kim giao mà tiếp tục đi thẳng. Qua đỉnh Yên Ngựa, rẽ trái và đi tiếp lên sẽ tới đỉnh núi Ngự Lâm cao 210m. Du khách có thể ngắm nhìn cảnh đẹp của rừng tự nhiên trên núi đá vôi và cảnh biển của Cát Bà.

▪ Tuyến trung tâm vườn - động Trung Trang

Độ dài 3,5km; đi bộ hết 2h. Xuất phát từ trung tâm vườn đi bộ dọc theo đường nhựa về phía thị trấn Cát Bà. Biển chỉ dẫn cho du khách đi động Trung Trang ở bên phải đường. Trong động có các nhũ đá vôi tự nhiên với nhiều hình thù kỳ bí lạ mắt, và rất nhiều dơi bám trên vách đá. Thời gian thăm động khoảng 30 phút. Khi đi du khách nên mang theo đèn pin. Ngoài đường này, du khách cũng có thể đi đến động Trung Trang từ đỉnh Ngự Lâm.

▪ Tuyến trung tâm vườn - Ao Ếch

Thời gian đi bộ hết khoảng 2h30 phút. Đi từ phía sau trung tâm vườn, xuyên qua rừng tự nhiên trên núi dốc và những trảng cỏ rậm rạp, du khách sẽ tới Ao Ếch - 1 đầm nước ngọt nhỏ trên núi cao là nơi chỉ có cây Và Nước (một loài cây họ Liễu sinh sống). Đây là 1 sinh cảnh rừng ngập nước nội địa

độc đáo ở Cát Bà với nguồn nước không bao giờ cạn. Vào mùa hè đây là nguồn nước chủ yếu của các loài chim và thú nhỏ. Đường tới Ao Éch tương đối khó nên dễ bị lạc nếu không có hướng dẫn viên. Đây là tuyến đường đi hấp dẫn cho những người ưa mạo hiểm.

▪ Tuyến trung tâm vườn - Ao Éch - Lan Hạ

Từ trung tâm vườn đi tới Ao Éch; tiếp tục đi theo đường mòn lớn sẽ tới làng Việt Hải (7,5km). Đường tương đối khó đi. Từ làng Việt Hải đi qua đường hầm ra bến (3km) du khách có thể lên tàu thăm vịnh Lan Hạ. Đây là tuyến tham quan khép kín để thưởng thức phong cảnh rừng, biển đảo và các bãi tắm ngoài khơi. Du khách cũng có thể ngủ trưa hoặc nghỉ đêm tại làng Việt Hải, tìm hiểu đời sống sinh hoạt địa phương.

▪ Tuyến trung tâm vườn - Mây Bàu - Khe Sâu

Độ dài 3,5km đi bộ hết 3 giờ. Xuất phát như đường đi Ao Éch. Khi đi qua đỉnh Mây Bàu tới một đồng cỏ lớn; cách trung tâm vườn khoảng 3km; du khách sẽ tìm thấy một lối rẽ sang phải đi Mây Bàu. Trên tuyến tham quan này, du khách sẽ được thăm rừng nguyên sinh và quan sát chim. Tiếp tục đi theo đường mòn lớn 2,5km sẽ tới hang Quân Y- một di tích thời chiến tranh. Từ đây du khách có thể hẹn xe đón hoặc thuê xe quay về trung tâm vườn.

▪ Tuyến du lịch sinh thái biển

Du khách có thể xuất phát từ bến Cảng Cá hoặc bến Bèo đi vào áng Qua, áng Vẹm, thăm vịnh Lan Hạ, và nếu thời gian cho phép đi thăm vịnh Hạ Long. Trên đường đi, du khách có thể ghé thăm các khu nuôi ngọc trai, cá bẹ, tắm biển ở những bãi tắm Vạn Bội, Cát Dứa... Nếu có điều kiện du khách có thể lặn dưới biển để quan sát san hô và các loài sinh vật biển như cá; sò biển. Thời gian đi tuyến biển từ 3- 6h bằng tàu nhỏ.

Ở VQGCB còn có những suối nước lớn quanh năm không cạn như Thuồng Luồng, Treo Cơm và Việt Hải. Từ trung tâm vườn; đi dọc theo đường

bê tông đến cổng vườn thực vật rẽ sang trái để tới một cổng phụ dẫn thẳng vào chân núi; du khách có thể thấy 1 suối ngầm chảy ra từ phía trong núi; nước rất trong và mát. Khi nước cạn suối ngầm này tạo thành một hang nhỏ dẫn vào trong núi. Cũng từ vườn, du khách có thể thuê xe đi Phù Long tham quan rừng ngập mặn, thời gian đi xe khoảng 25 phút.

❖ **Tiểu kết**

Tóm lại, tài nguyên thiên nhiên của VQGCB đã tạo nên tiềm năng chính cho loại hình DLST phát triển. Nếu được khai thác hợp lý, VQGCB có thể trở thành điểm DLST hấp dẫn đối với khách du lịch. Tại đây, có thể phát triển các loại hình du lịch như sau:

- Tham quan, ngắm cảnh tại các điểm du lịch.
- Tìm hiểu hệ động, thực vật.
- Tổ chức các hoạt động du lịch thể thao và mạo hiểm như leo núi, đi bộ, bơi lội, nhảy dù, cắm trại.
- Tham gia hoạt động giáo dục môi trường.
- Phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ

3.1 Hiện trạng hoạt động du lịch

3.1.1 Khách du lịch

Ngoài việc tìm hiểu khả năng cung ứng cho hoạt động du lịch sinh thái tại VQGCB đã được đề cập chi tiết ở chương 2, khóa luận còn phân tích hiện trạng phát triển du lịch tại VQGCB.

- Số lượng khách

Bảng 3- 1: Số lượng khách du lịch đến tham quan VQGCB

Năm	Lượng khách (nghìn người)	
	Quốc tế	Nội địa
2004	11.5	6.5
2005	20	15.5
2006	25.5	19
2007	60	23.5
2008	41	22.5

Qua số liệu trên ta có thể thấy được rằng năm 2008 có số lượng khách du lịch thấp hơn năm 2007. Nguyên nhân giảm lượng khách là do việc cung cấp thông tin của vườn còn hạn chế, chưa liên tục khai thác hết tiềm lực.

Trang Web giới thiệu về Cát Bà mới chỉ dừng lại việc giới thiệu khái quát về VQGCB mà không có sự cập nhật thường xuyên thông tin như các dự

án đã thực hiện tại vườn, số lượng khách hàng năm v. v . Chưa có dịch vụ đặt phòng, tuyến du lịch của khách qua mạng Internet.

Như vậy, có thể thấy hoạt động quảng cáo của Trung tâm du lịch sinh thái nói riêng và Ban quản lý VQGCB nói chung chưa hiệu quả.

- Số lượng khách theo thời vụ

Trong du lịch, tính thời vụ là đặc điểm gây ra rất nhiều khó khăn cho việc quản lý du lịch. Do vậy, muốn nâng cao hiệu quả trong quản lý, cần xác định các nhân tố quyết định tính thời vụ.

Việc xác định nhân tố ảnh hưởng đến tính thời vụ tại VQGCB có thể được coi là một trong những biện pháp tìm ra nguyên nhân khách tập trung quá đông vào một số thời điểm trong năm. Cần tìm cách kéo dài mùa vụ kinh doanh du lịch bằng cách tổ chức thêm các hoạt động du lịch phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội như tìm hiểu di tích lịch sử, văn hóa dân tộc, đặc sản địa phương... Cần góp phần điều tiết lượng khách, sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên của khu vực, hoặc tổ chức các hoạt động trùng tu, bảo dưỡng v. v.

Tại VQGCB, thời gian khách đến tham quan tương đối tập trung theo mùa. Mặc dù VQGCB mở cửa đón khách quanh năm, song lượng khách du lịch thường đến đông vào mùa xuân, mùa hè, tức là từ tháng 3 đến tháng 8. Tuy nhiên, vào các tháng khác vẫn rải rác có khách đến tham quan, nhất là những ngày lễ hoặc ngày nghỉ cuối tuần.

Số lượng khách lưu trú tại vườn trung bình là 2 ngày 1 đêm.

Tóm lại, tính thời vụ thể hiện rất rõ ở điểm du lịch VQGCB. Lượng khách đến tham quan tập trung đông nhất từ tháng 4 đến tháng 8. Tính thời vụ chịu ảnh hưởng chính của yếu tố khí hậu.

- Nguồn khách

Khách nội địa chủ yếu thuộc các tỉnh Miền Bắc, riêng khách đến từ Hải Phòng và Quảng Ninh đã chiếm tỷ lệ rất cao (62,8%) trong tổng số khách nội địa. Khách du lịch Miền Nam chủ yếu đến từ thành phố Hồ Chí Minh (12,59%), và nguồn khách chính của Miền Trung là Đà Nẵng (6,71%).

Nguồn khách nước ngoài đa phần đến từ Anh (30%), Pháp (13%), Trung Quốc (12%) còn các nước khác số lượng rất ít.

- Thành phần khách

- Khách trong nước

Khách du lịch là học sinh, sinh viên của các trường đại học, phổ thông tại Hải Phòng và các tỉnh lân cận. Loại khách này thường đi theo nhóm lớn từ 30 đến 50 người, có khi tới hơn 100 người. Thời gian tập trung vào ngày lễ, cuối tuần, các đợt thực tập hoặc sau khi thi.

Đối tượng khách là công nhân viên chức thường đi theo nhóm nhỏ từ 20 – 30 người. Mục đích chính chuyến đi của họ là nghỉ ngơi, giải trí và thoát khỏi môi trường làm việc căng thẳng hàng ngày ở công sở.

Khách du lịch là những nhà nghiên cứu về sinh học, du lịch, môi trường và quản lý v. v. thường đi theo nhóm nhỏ từ 1 đến 5 người. Họ đi vào thời gian bất kỳ trong năm và thời gian lưu trú không cố định.

Khách du lịch tự do thường đi theo nhóm từ 5- 10 người với các loại xe nhỏ, xe máy v.v .

- Khách nước ngoài

Khách nước ngoài đến VQGCB gồm hai thành phần sau:

Khách du lịch chuyên đề: gồm các chuyên gia nghiên cứu về đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng nhiệt đới, hệ động- thực vật; về công tác quản lý và bảo tồn... Thời gian lưu trú lâu và vào nhiều thời điểm trong năm.

Khách du lịch tự nhiên thuần túy đến tìm hiểu thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa của khu vực. Đối tượng này thường đến vào mùa du lịch.

Tóm lại, thành phần khách du lịch tại VQGCB rất đa dạng, mỗi loại khách có mục đích khác nhau. Dựa vào số liệu thống kê có thể định hướng xây dựng, tổ chức không gian và thiết kế hoạt động du lịch sinh thái cho phù hợp với nhu cầu của khách cũng như cân đối với khả năng cung ứng của vườn.

Đa phần khách du lịch là học sinh, sinh viên và cán bộ, viên chức, mục đích của họ là tham quan và nghỉ ngơi giải trí. Vì vậy, nên định hướng tổ chức các khu vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng phục vụ nhu cầu của du khách. Mặt khác, lượng khách này thường lớn và có mục đích, nhu cầu cụ thể, do đó khu du lịch nên có thông tin để phục vụ kịp thời trong khâu quản lý.

3.1.2 Cơ sở vật chất phục vụ du lịch

Cơ sở dịch vụ đón khách tại VQGCB gồm 2 trung tâm: trung tâm thứ nhất nằm tại cổng vườn, trung tâm thứ hai nằm trên đỉnh vườn. Hai trung tâm này có nhiệm vụ đón tiếp và phục vụ khách du lịch.

Trung tâm đón khách ở cổng vườn có nhiệm vụ đón, hướng dẫn khách du lịch làm thủ tục tham quan như mua vé, đặt phòng, thuê xe và phổ biến các nội quy cần thiết.

Phòng trưng bày của trung tâm này được sử dụng để giới thiệu khái quát tài nguyên thiên nhiên đa dạng của VQGCB cũng như hoạt động du lịch sinh thái và giáo dục môi trường đã và đang được thực hiện tại vườn. Trong thời gian làm thủ tục, khách du lịch có thể vào phòng chiếu phim để xem giới thiệu về tài nguyên và các điểm du lịch hoặc tìm hiểu một số thông tin liên quan.

Thời gian mở cửa VQGCB từ 7h00' đến 17h00 vào mùa hè (từ tháng 3 đến tháng 9) và từ 7h00' đến 16h30' vào mùa mưa. Nếu du khách đến ngoài

giờ thì có thể liên hệ trước để được đón tiếp. Nhân viên của trung tâm có thể cung cấp thông tin về cơ sở vật chất, các hoạt động du lịch và giá cả dịch vụ vào bất cứ thời gian nào.

Ngoài ra, còn có một hội trường ở khu vực hành chính để phục vụ nhu cầu hội nghị, hoặc hội họp của các đoàn khách tham quan.

- Cơ sở lưu trú

Ban quản lý VQGCB có 2 dãy nhà nghỉ ở khu đón tiếp tại cổng vườn, mỗi dãy gồm có hai tầng. Các phòng ở đây đa số là phòng đôi, khép kín, có đầy đủ các tiện nghi. Ngoài ra một số phòng được thiết kế dành cho gia đình và tập thể với công trình phụ bên ngoài. Công suất sử dụng phòng chỉ đạt 15-20% song vào thời gian cao điểm trong năm (tháng 6 – tháng 8), đặc biệt vào dịp cuối tuần công suất sử dụng phòng có thể đạt 100%.

- Cơ sở dịch vụ ăn uống, bán hàng

- Dịch vụ ăn uống bước đầu đáp ứng yêu cầu của khách có đăng ký trước.

Do VQGCB cách thị trấn Cát Bà 15km, vì vậy nếu khách muốn ăn cơm tại vườn thì phải đặt trước 1 ngày. Điều này, kém thuận tiện cho khách tham quan khi có nhu cầu đột xuất, cũng như giảm sự phong phú của các món ăn. Thêm vào đó, nhân viên phục vụ chưa có tay nghề cao, khả năng phục vụ khách, nhất là khách quốc tế còn hạn chế.

- Điểm bán hàng còn ít và nghèo nàn về loại hàng.

Ngay ở cửa vườn, có một cửa hàng nhưng chỉ có một số loại đồ uống, bánh kẹo và đồ hộp. Hàng lưu niệm chưa có, mới chỉ có một số tranh ảnh, sách, đĩa CD giới thiệu về VQG. Các sản phẩm này đơn điệu về chủng loại, chưa thực sự thu hút sự chú ý của du khách, chưa kích thích được nhu cầu chi tiêu của họ để tăng nguồn thu từ du lịch.

- Cơ sở vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Hiện tại, VQGCB chưa có hoạt động vui chơi giải trí. Khu công viên có sân bóng chuyền và cầu lông, song chủ yếu phục vụ nhân viên trong VQGCB.

Như vậy, có thể nhận thấy cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch của VQGCB mới chỉ đáp ứng được về mặt lưu trú còn các cơ sở khác như ăn uống, lưu niệm, vui chơi, giải trí chưa đáp ứng được.

3.1.3 *Đội ngũ cán bộ, nhân viên tại Vườn quốc gia Cát Bà*

Hiện nay Ban quản lý vườn quốc gia có 81 cán bộ, công nhân viên trong đó hạt kiểm lâm trực thuộc Ban quản lý có 60 người và văn phòng có 21 người.

Bảng 3-2: Các đơn vị thuộc VQGCB

TT	ĐƠN VỊ	SỐ NHÂN VIÊN (Người)	TRÌNH ĐỘ (Người)	
			TRÊN ĐẠI HỌC	ĐẠI HỌC
1	Ban giám đốc	2	1	1
2	Phòng tổ chức, hành chính, tổng hợp	5		1
3	Phòng tài chính, kế toán	4		4
4	Phòng nghiên cứu khoa học	5		5
5	Hạt kiểm lâm	60	1	20
6	Trung tâm DLST và GDMT	4		3
7	Trung tâm Phát triển cộng đồng	2	2	2
	Tổng cộng	81		33

Nhân viên tại VQGCB có trình độ văn hóa cao, trong đó nhân viên đạt trình độ đại học và trên đại học chiếm 43%. Tuy nhiên trình độ chuyên ngành phân bố không đồng đều. Trong khi trình độ chuyên ngành của nhân viên tại

Hạt kiểm lâm cao (trên 33% từ Đại học Nông Lâm) thì Trung tâm DLST và GDMT chỉ có một nhân viên có chuyên ngành du lịch.

Trình độ ngoại ngữ của nhân viên phục vụ du lịch đang được quan tâm bồi dưỡng. Một số nhân viên có khả năng đảm bảo phục vụ được yêu cầu hướng dẫn khách nước ngoài. Các năm gần đây, lớp bồi dưỡng tiếng Anh trực tiếp cho cán bộ, nhân viên trong VQG được duy trì do giáo viên tình nguyện người Anh giảng dạy. Vì vậy, nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu phục vụ khách.

3.2 Đánh giá hoạt động du lịch dưới góc độ du lịch sinh thái

3.2.1 Hiện trạng khai thác tuyến, điểm du lịch

Hoạt động du lịch tập trung vào một số điểm, tuyến du lịch chính với hình thức đơn điệu. Hầu hết khách tham quan VQGCB đều lựa chọn tuyến đi vào rừng Kim giao, lên đỉnh Ngự Lâm, và vào động Trung Trang. Bởi vì đây là các tuyến du lịch có quang cảnh thiên nhiên hết sức hấp dẫn và tương đối dễ đi lại không mất nhiều thời gian. Mặt khác, các tuyến đường còn lại đều dài, có nhiều đoạn khó đi và thời gian không cho phép khách du lịch dừng lại ở nhiều điểm.

Hoạt động du lịch chủ yếu tại các tuyến tham quan này là chụp ảnh và ngắm cảnh. Các hoạt động khác còn hạn chế và rất ít được đề cập đến như tham quan Trung tâm Du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường, đi bộ xuyên rừng, tìm hiểu di tích lịch sử, văn hóa bản địa và tài nguyên thiên nhiên của vườn. Các hoạt động thể thao như leo núi, bơi lội v.v. rất ít được thực hiện đối với khách nội địa.

Như vậy, có thể nhận thấy khách du lịch chỉ tập trung vào một số điểm chính tại VQGCB. Hầu như du khách không nắm được thông tin cơ bản về các tuyến tham quan, sản phẩm du lịch của từng tuyến cũng như tài nguyên thiên nhiên phong phú của vườn. Vì vậy, việc tham gia các hoạt động du lịch

của du khách còn rất hạn chế, nhận thức về bảo vệ môi trường và giá trị sinh học của vườn còn chưa cao, khiến du lịch VQGCB trở nên đơn điệu, kém hấp dẫn. Như vậy, việc khai thác tiềm năng du lịch tại các điểm, tuyến du lịch không hiệu quả .

3.2.2 Mức độ đảm bảo vai trò giáo dục và thuyết minh môi trường

Một trong những tiêu chuẩn để phân biệt DLST với các loại hình du lịch thông thường chính là đề cao vai trò giáo dục và thuyết minh môi trường. Tiêu chuẩn này thể hiện ở chỗ, khách du lịch phải có những thông tin đầy đủ và đảm bảo tính thực tế trước khi đến tham quan, được thuyết minh về môi trường tự nhiên và các giá trị của VQG khi đến và trong quá trình tham quan. Tại VQGCB, mức độ đảm bảo yêu cầu giáo dục và thuyết minh môi trường còn hạn chế.

- Đa số khách du lịch đến thăm VQGCB chưa được cung cấp các nguồn thông tin chính thống về vườn.

Đa phần khách du lịch đến với VQGCB là do thông tin từ bạn bè, người thân. Số khách du lịch được biết thông tin từ sách hướng dẫn du lịch, từ quảng cáo chiếm tỷ lệ nhỏ.

Điều này có nghĩa là thông tin “truyền miệng” là nguồn cung cấp thông tin chính cho khách khi đến tham quan VQGCB.

Trung tâm du khách là nơi tiếp đón khách và cũng là nơi cung cấp thông tin về VQG, về hoạt động giáo dục môi trường cho khách. Tuy nhiên, tỷ lệ khách thu thập được thông tin từ nguồn này rất ít do nhu cầu mong muốn được đi tham quan các tuyến du lịch.

- Tỷ lệ khách được hướng dẫn khi tham quan VQG chưa nhiều

Theo đúng thủ tục, khi đến tham quan, du khách được hướng dẫn khái quát sơ đồ tham quan và được phổ biến một số quy định khi tham quan. Các nội quy cũng được in trên vé và bảng - sơ đồ tham quan trong khu vực đón

khách. Một số khách được phát tờ gấp, trong đó khái quát đặc điểm chính của VQG và các tuyến tham quan chủ yếu.

Nếu khách du lịch yêu cầu hướng dẫn sẽ được hướng dẫn chi tiết hơn về các thông tin và điểm tham quan của VQG qua sơ đồ, bảng hình trong trung tâm du khách và trong khi tham quan. Tuy nhiên, số đoàn có yêu cầu hướng dẫn không nhiều, họ thường tự đi theo sơ đồ hướng dẫn. Mặt khác, do thời gian hạn chế, mong muốn hiểu biết về VQG chưa phải là nhu cầu thực sự của nhiều khách tham quan, (nhất là khách nội địa). Hơn nữa, số lượng hướng dẫn viên của vườn cũng không đủ đáp ứng yêu cầu vào những ngày khách quá đông. Vì vậy, đa số khách du lịch chưa có nhiều thông tin về VQG trước khi tham quan cũng như khi ra về.

Tóm lại, đa số khách du lịch bị hạn chế rất nhiều trong nhận thức, cảm thụ thiên nhiên. Nhất là hiểu biết về giá trị của VQG về ý nghĩa của công tác bảo tồn, mà đó chính là cơ sở để hình thành thái độ và hành vi đối với môi trường thiên nhiên.

- Trình độ của hướng dẫn viên còn hạn chế

Phần lớn các hướng dẫn viên du lịch của VQGCB chưa trải qua các lớp đào tạo nghiệp vụ du lịch chính quy. Họ chủ yếu được đào tạo về lâm nghiệp, sư phạm do đó hạn chế về trình độ hướng dẫn, trình độ ngoại ngữ cũng như kiến thức về môi trường VQG. Những hạn chế này đã làm giảm đáng kể vai trò của hướng dẫn viên du lịch (nhất là đối với DLST).

3.2.3 Hoạt động du lịch đối với công tác bảo tồn Vườn quốc gia

- Mặt tích cực

Du lịch Bạch Mã đã hỗ trợ kinh phí cho bảo tồn, nâng cao nhận thức cho du khách, tạo cơ hội thu hút đầu tư cho công tác bảo tồn.

Nguồn thu từ du lịch đã chi một phần vào việc chi trả lương cho cán bộ làm công tác bảo tồn, cải tạo, tu bổ phương tiện, trang thiết bị của vườn và

những cơ sở phục vụ du lịch. Tuy nhiên, sự đóng góp này còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn. Mặc dù vậy, theo quan điểm của các nhà quản lý VQGCB, mục tiêu chủ yếu của hoạt động du lịch là làm cho du khách hiểu được giá trị của VQG và nâng cao nhận thức bảo tồn của họ.

Du lịch góp phần tạo các mối giao lưu giữa VQG với các tổ chức trong nước và quốc tế, tạo cơ hội thu hút các dự án nghiên cứu, đầu tư, hỗ trợ bảo tồn. Nhiều tổ chức bảo tồn động vật, vườn thú của nhiều nước, cùng các dự án hỗ trợ bảo tồn của tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) đã ủng hộ cho ban quản lý vườn như: Đức, Anh, Pháp...

Hoạt động giáo dục môi trường thông qua giao lưu giữa khách du lịch với nhân viên tại VQGCB về môi trường và bảo tồn. Giáo dục môi trường thông qua các câu lạc bộ xanh được thành lập ở các trường học thuộc vùng đệm. Tài liệu được biên soạn cung cấp cho giáo viên giảng dạy trong các lớp học.

- **Mặt tiêu cực**

- Lượng khách tham quan ngày càng tăng, tập trung về thời gian và không gian gây nên sự quá tải đối với môi trường du lịch.

Đa số khách du lịch là học sinh, sinh viên đi theo đoàn với số lượng đông từ vài chục tới vài trăm người một đoàn. Đặc biệt vào các dịp lễ hội, ngày nghỉ cuối tuần, lượng khách tham quan quá đông, thường gây nên sự quá tải cho VQG về mọi mặt: dịch vụ, nơi ăn ở, nơi đỗ xe, đặc biệt là công tác quản lý khách với vấn đề bảo vệ môi trường.

Phần lớn khách du lịch tới tham quan VQGCB có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài nguyên môi trường trong khu vực vườn. Tuy nhiên một số du khách vẫn có hành động thiếu ý thức gây tác động tiêu cực tới thiên nhiên. Trên những đường mòn trong rừng nhiều du khách vẫn xả rác bừa bãi nhất là các loại rác khó phân hủy như bao nilon, chai nhựa, chai thủy tinh, ống lon mặ

dù trên đường và trong khu vực trung tâm vườn có đặt nhiều thùng rác công cộng. Hiện tượng du khách chặt cây bẻ cành, vặt lá, bứt hoa vẫn còn tương đối phổ biến gây hại không nhỏ tới sự phát triển của cây rừng. Nhiều đoàn du khách đi vào vườn gây tiếng ồn ào khiến chim thú và các loài động vật hoảng sợ. Vào mùa hè khô nóng một số du khách còn mang lửa vào rừng hoặc hút thuốc lá trong rừng gây ra những nguy cơ cháy rừng hết sức nguy hiểm.

- Hoạt động du lịch tập trung trong khu vực trung tâm tại đỉnh vườn gần nơi các hệ sinh thái cần được bảo vệ.

Cùng với sự tập trung khách vào các thời điểm nhất định, hoạt động du lịch lại dồn vào một số khu vực và điểm, tuyến tham quan như: tuyến rừng Kim giao, Ao Éch, động Trung Trang. Những khu vực trên nằm sát Phân khu bảo vệ nguyên vẹn, nơi mà các hệ sinh thái cần được bảo vệ và hạn chế tác động của con người. Như vậy sự tập trung hoạt động du lịch tại đây sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường sinh sống của động thực vật tại VQGCB.

Vào các thời gian tham quan tập trung, tại các điểm, tuyến du lịch chính lượng khách vượt quá sức chứa cho phép, gây sức ép lên môi trường.

Nhìn chung, việc mở rộng hoạt động du lịch thường dẫn đến một điều khó tránh khỏi là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch ngày càng được cải thiện, tăng cường. Đây là một mâu thuẫn nảy sinh giữa nhu cầu du lịch và yêu cầu bảo tồn môi trường tự nhiên (mà trong DLST) cần được hạn chế).

Do nhu cầu cho hoạt động du lịch, con đường chính tại VQGCB đã được nâng cấp thành đường nhựa. Kết quả là, sự tiện lợi đã khiến cho lưu lượng khách cùng với các loại xe cơ giới xâm nhập vào trung tâm vườn ngày một tăng.

Sự có mặt của con đường đã ảnh hưởng đến diện rộng các loài động vật đang cư trú, quan hệ giữa một số cá thể có thể bị cắt đứt. Thêm vào đó là việc

làm tăng quá trình xói mòn, tạo ra ngăn cản dòng chảy. Sự đi lại của con người và xe cộ trên con đường này là một trong những áp lực đến môi trường của VQG.

3.2.4 Vai trò và mối quan hệ giữa du lịch với cộng đồng địa phương

- Vai trò của du lịch với cộng đồng dân cư
 - Du lịch đã góp phần cải thiện kinh tế - xã hội cho dân cư vùng đệm

Có thể nói, quá trình phát triển du lịch VQGCB phần nào gắn liền với quá trình cải thiện bộ mặt của VQGCB cũng như một số khu vực dân cư. Đặc biệt tháng 9 năm nay xã Việt Hải sẽ được hưởng hệ thống lưới điện quốc gia.

Ban quản lý VQGCB nói chung và Trung tâm DLST nói riêng đã giúp đỡ cộng đồng địa phương phát triển kinh tế vùng đệm thông qua các chương trình sau:

Trồng và chăm sóc rừng: Đây là chương trình quốc gia nhằm hỗ trợ vốn cũng như đất đai lâm nghiệp cho các hộ dân địa phương nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Để làm tốt điều này, cán bộ kỹ thuật của Vườn đã hướng dẫn cho dân từ việc làm ươm đến gieo trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Dần dần gắn với người dân với công tác trồng, chăm sóc bảo vệ rừng.

Khoán bảo vệ rừng: Để có sự phối hợp giữa Vườn và các ban ngành, đoàn thể cũng như người dân địa phương trong công tác bảo vệ rừng, hàng trăm Vườn đã tiến hành hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng cho các đơn vị, hộ gia đình hay từng cộng đồng cụ thể theo từng lô, khoảnh với bản đồ hướng dẫn và sự theo dõi, giám sát của cán bộ vườn.

Tranh thủ một số nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ để tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng qua việc chuyển giao một số mô hình, kỹ thuật... cũng như có những hỗ trợ ban đầu giải quyết một phần khó khăn về vốn để tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống và thu nhập của cộng đồng.

Phát triển DLST có sự tham gia của người dân

Hoạt động DLST của Vườn mặc dù mới hình thành nhưng đã giải quyết một phần lao động địa phương trong việc tạo tuyến du lịch, bảo dưỡng đường, dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng, thu gom rác thải... Điều này cho thấy rằng, nếu hoạt động này phát triển sẽ góp phần không nhỏ vào việc giải quyết khó khăn về kinh tế và nhận thức của người dân trên chính nguồn tài nguyên của họ.

- Số người dân tham gia hoạt động du lịch ở phạm vi nhỏ và mức độ hạn chế

Sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch còn ở mức hạn chế, mới chỉ thực hiện ở làng Việt Hải, trong ranh giới vườn.

Tuy nhiên, sự tham gia vào hoạt động du lịch của người dân địa phương ở vùng đệm của VQGCB chưa đáng kể. Người dân hầu như chưa có vai trò trong việc tổ chức, quản lý trực tiếp các hoạt động dịch vụ của mình.

- Mối quan hệ của du lịch và dân cư địa phương

- Mức độ ảnh hưởng của du lịch thông qua ý kiến của dân cư địa phương

Mối quan hệ giữa du lịch và cộng đồng địa phương thể hiện qua thái độ của người dân với du lịch. Đây là khía cạnh cần được nghiên cứu, đánh giá nhằm giúp những những nhà hoạch định đưa ra chiến lược đúng đắn trong phát triển du lịch, hỗ trợ cộng đồng địa phương và quan tâm đến nhu cầu của người dân.

Đa số dân cư địa phương đều là dân địa phương gốc, sinh sống lâu năm tại địa bàn và đều cho rằng VQGCB là nơi hấp dẫn khách du lịch (khoảng 85%), chỉ một tỷ lệ nhỏ trả lời là không (3%) và không biết (12%).

Hiện tại, du lịch không ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của người dân ở đây cả ý nghĩa tích cực cũng như tiêu cực. Tuy nhiên, sự đánh giá thiên hơn về ý nghĩa tích cực như giao thông, điện.

- Mức độ quan hệ giữa du lịch và dân địa phương

Khi được hỏi về mối quan hệ với khách du lịch, đa số ý kiến cho biết hầu như không có mối quan hệ gì với khách du lịch, số còn lại là làm quen hoặc gặp khách trên đường. Số người cho khách nghỉ lại trong nhà hoặc có quan hệ thông qua kinh doanh riêng chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Du lịch ít có mối quan hệ với dân địa phương, và có thể nói “cộng đồng địa phương còn đứng ngoài cuộc” với các hoạt động du lịch trong VQG. Họ chưa được tham gia hoặc được hưởng những lợi ích từ du lịch.

Bảng 3-5: Quan hệ của người dân địa phương với khách du lịch

Quan hệ với khách du lịch	Tỷ lệ (%)
Hầu như không có quan hệ gì	61.2
Làm quen với một vài người	31.6
Cho khách nghỉ lại trong nhà	5.1
Quan hệ với khách khi làm việc	0
Thu nhập từ du khách qua hoạt động kinh doanh riêng	3.1
Quan hệ khác	0

Nhận xét về thái độ của khách du lịch, trên 70% số người được hỏi cho biết họ không quan tâm, số còn lại nhận xét là khách du lịch thân thiện, dễ tiếp xúc, không có câu trả lời nào tỏ ra khó chịu về thái độ của khách du lịch.

Từ những thực tế trên có thể đưa ra những kết luận sơ bộ về mối quan hệ giữa du lịch ở VQG với cộng đồng địa phương như sau:

- Du lịch còn khá biệt lập với cộng đồng dân cư, chưa có những tác động đáng kể (cả tích cực và tiêu cực) đến kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

- Thái độ của người dân đối với du lịch còn mờ nhạt, song có phần thiện theo hướng tích cực, thiện cảm với khách du lịch.
- Đa số người dân mong muốn du lịch mở rộng, được đón khách và có cơ hội tham gia vào hoạt động du lịch.

Tình trạng mức sống, điều kiện kinh tế cũng như nhu cầu của cộng đồng địa phương trong việc hưởng lợi từ các sản phẩm của VQG đang bị hạn chế do yêu cầu bảo tồn là một thực trạng nan giải ở khu vực VQGCB. Trong khi đó, các lợi ích thu được từ hoạt động du lịch dựa trên cơ sở các giá trị của VQG đang được khai thác lại chưa phải là nguồn hỗ trợ kinh tế của người dân.

Cộng đồng dân cư đang sống trong vùng đệm VQG còn đứng ngoài cuộc, gần như không liên quan đến các hoạt động du lịch ở đây. Mặc dù họ mong muốn và đáng được tham gia, cũng như hưởng lợi từ hoạt động này. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn khẳng định sự cần thiết trong việc hướng du lịch của VQGCB tới một loại du lịch có khả năng đáp ứng nhu cầu chính đáng của người dân địa phương, đó là DLST.

❖ Tiểu kết

Từ hiện trạng hoạt động du lịch và đánh giá hiện trạng du lịch đó tại VQGCB dưới góc độ du lịch sinh thái, đề tài có một số nhận xét như sau:

- Lượng khách du lịch đến tham quan VQGCB chủ yếu vẫn là khách nội địa, khách nước ngoài chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Nguồn khách nội địa chủ yếu thuộc các tỉnh Miền Bắc của Việt Nam, khách nước ngoài đa số là người Anh và Pháp. Thành phần khách đa dạng, chủ yếu là học sinh, sinh viên và cán bộ viên chức. Mục đích chuyến tham quan của họ là tham quan và nghỉ ngơi giải trí. Tính thời vụ thể hiện rất rõ, phụ thuộc vào điều kiện khí hậu và khách du lịch chủ yếu là khách trong ngày.

- Hoạt động du lịch của khách tham quan tập trung vào một số điểm, tuyến du lịch chính tại VQGCB như rừng Kim Giao, Ao Éch, động Trung Trang. Hầu như du khách không nắm được thông tin về các tuyến tham quan, sản phẩm du lịch của từng tuyến cũng như tài nguyên thiên nhiên phong phú của vườn. Vì vậy, việc tham gia các hoạt động du lịch còn hạn chế, nhận thức về bảo vệ môi trường và giá trị sinh học chưa cao đã ảnh hưởng đến việc đánh giá, nhận xét của du khách về VQGCB.
- Hiện tại, VQGCB mới chỉ đáp ứng được về dịch vụ lưu trú và phương tiện vận chuyển, còn các nhu cầu khác của du khách như dịch vụ ăn uống, đồ lưu niệm và hoạt động du lịch còn nghèo nàn và chưa được đáp ứng.
- Đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ khách du lịch, phần lớn chưa trải qua các lớp đào tạo nghiệp vụ du lịch chính quy nên hạn chế về trình độ hướng dẫn, trình độ ngoại ngữ cũng như kiến thức về môi trường và đa dạng sinh học.
- Hoạt động giáo dục và thuyết minh môi trường cho khách du lịch chưa hiệu quả. Đa số khách du lịch biết đến VQGCB thông qua nguồn tin truyền miệng. Trung tâm DLST và GDMT chưa phát huy hết vai trò của VQGCB cũng như hoạt động GDMT. Tỷ lệ khách du lịch được hướng dẫn khi tham quan VQG chưa nhiều, du khách chủ yếu tự quan sát và tìm hiểu.
- Hoạt động du lịch và bảo tồn tại VQGCB đang theo hướng cộng sinh. Nghĩa là, hoạt động du lịch tại VQGCB đã đem lại một số lợi ích cụ thể trong việc bảo tồn Vườn như hỗ trợ kinh phí, nâng cao nhận thức cho du khách về môi trường và giá trị sinh thái, tạo cơ hội thu hút đầu tư. Tuy nhiên, những tác động đến VQGCB do hoạt động du lịch đem lại cũng rõ nét hơn khi lượng khách tham quan ngày càng đông, tập trung về thời gian và không gian đã gây nên sự quá tải đối với môi trường du lịch sinh thái tại một số tuyến du lịch như rừng Kim Giao, Mây Bàu, Khe Sâu. Hoạt động du lịch tập trung trong

khu vực trung tâm tại đỉnh vườn, sát phân khu bảo vệ nguyên vẹn nơi các hệ sinh thái cần được bảo vệ.

- Đối với cộng đồng địa phương, du lịch còn khá biệt lập, chưa có những tác động đáng kể (cả tích cực và tiêu cực) đến kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương. Thái độ của người dân đối với du lịch còn mờ nhạt, song có phần thiên theo hướng tích cực, thiện cảm với khách du lịch. Đa số người dân mong muốn du lịch mở rộng, được đón khách và có cơ hội tham gia vào hoạt động du lịch.

Những cơ sở thực tiễn trên đây cho thấy, hoạt động du lịch ở VQGCB đang hướng tới du lịch sinh thái với mục tiêu giáo dục môi trường, hỗ trợ bảo tồn và góp phần phát triển cộng đồng. Vì vậy, những định hướng và các giải pháp cho DLST ở VQG những năm tới là vô cùng cần thiết nhằm hạn chế những bất cập trong hoạt động du lịch đang diễn ra tại đây.

3.4 Các giải pháp phát triển du lịch

Phát triển du lịch ở VQGCB nói riêng và du lịch Cát Bà nói chung nằm trong quy hoạch phát triển của thành phố trở thành một trung tâm du lịch của cả nước có tầm cỡ khu vực và quốc tế, có vị thế quan trọng trong vùng trọng điểm kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh.

Vườn quốc gia Cát Bà là một trong những điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Đến Cát Bà mà chưa tham quan, nghiên cứu VQG thì chưa thể nói là đã tới. Vì vậy, du khách tới Cát Bà thì ít nhất cũng phải dành một khoảng thời gian để tới đây. Nơi đây có rừng tự nhiên nguyên sinh với diện tích lớn, có nhiều loài động thực vật phong phú, đa dạng và quý hiếm có giá trị nghiên cứu khoa học, một điểm du lịch lý tưởng. Hoạt động sinh thái ở đây giúp mọi người có thể hòa mình với thiên nhiên và tận hưởng cảnh sắc tươi đẹp đồng thời nâng cao nhận thức hiểu biết về môi trường tự nhiên. Du khách có thể tận mắt ngắm nhìn các loài động vật quý hiếm, đặc hữu đi lại, ăn uống, sinh hoạt trong điều kiện tự nhiên bình thường. Với

những điều kiện thuận lợi như vậy, hoạt động du lịch ở VQG đã nhanh chóng phát triển, tuy có những biện pháp quản lý và bảo tồn hữu hiệu nhưng VQG vẫn không tránh khỏi những tác động tiêu cực do con người gây ra. Điều này đã và đang hủy hoại dần tài nguyên và môi trường cảnh quan nơi đây. Làm thế nào để vừa có thể khai thác lại vừa bảo vệ được tài nguyên du lịch của VQG.

Một số giải pháp nhằm giúp cho hoạt động du lịch sinh thái tại VQGCB phát triển tốt hơn:

3.4.1 Về cơ chế, chính sách đầu tư, hợp tác

Tăng cường sự hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm trong quy hoạch, quản lý và vận hành DLST một cách có hiệu quả. Đặc biệt tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức như IUCN, Hội vườn quốc gia Nhật Bản, Sở Du Lịch v. v. Ra các văn bản xác định rõ ràng quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc triển khai hoạt động du lịch sinh thái tại VQGCB.

3.4.2 Quản lý lượng khách

Với số lượng khách như hiện nay bình quân là khoảng 50- 60 khách/ngày thì nhân viên trong vườn có thể kiểm soát được đặc biệt là khách tham quan rừng nguyên sinh bao giờ cũng có nhân viên rừng đi theo hướng dẫn. Nhưng với số lượng khách tăng theo dự báo vào năm 2010 và vào những ngày lễ lớn thì khó có thể kiểm soát được. Vì vậy, vườn cần duy trì số lượng khách vừa phải như hiện nay và có biện pháp điều tiết khách trong những ngày lễ lớn. Cách tốt nhất để điều tiết được số lượng khách trong vườn là phát tích kê với số lượng hạn định tùy theo qui định bảo vệ của vườn, do Ban quản lý vườn phát hành, lượng tích kê phát ra có thể báo trước và đưa đến các trạm du lịch ngoài thị trấn. Như vậy, sẽ đáp ứng được nhu cầu của du khách lại vừa kiểm soát được số khách đi lại trong vườn.

Khi khách du lịch tới VQGCB tham quan không nên đi quá đông người nếu không sẽ phá vỡ không gian yên tĩnh và sinh hoạt thường ngày của các loài động vật.

3.4.3 Cải thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với DLST.

Các tuyến đường mòn có thể được lát đá tự nhiên hoặc gỗ thô tạo thành bậc cấp ở những vị trí cần thiết, tu bổ cầu gỗ, thiết kế lan can tay vịn hợp lý để vượt qua các điểm mạo hiểm, đảm bảo an toàn cho du khách.

- Thông tin liên lạc

VQGCB nên xây dựng tổng đài với dung lượng phù hợp phục vụ nhu cầu trao đổi thông tin liên lạc của vườn và du khách.

- Cấp điện, điện chiếu sáng công cộng

VQGCB cần đầu tư để sử dụng nguồn điện chính thức của mạng lưới điện quốc gia. Mạng lưới điện này nên đi ngầm ở những khu vực cần thiết, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan của rừng. Ngoài ra, việc cung cấp điện chiếu sáng đòi hỏi thỏa mãn yêu cầu về thẩm mỹ, cảnh quan môi trường và không ảnh hưởng đến đời sống sinh vật tại đây.

- Thoát nước bản và vệ sinh môi trường

Mở rộng hệ thống mương thoát ở ven sườn núi và các ống thoát nước nhằm đưa nước vào các khe suối nhỏ để đổ về suối lớn. Do độ dốc lớn nên các mương và cống dựa vào địa hình và độ dốc tự nhiên để thoát nước là hợp lý.

Hệ thống thoát nước bản chủ yếu được thải ra từ các khu nhà nghỉ. Vì vậy, VQGCB nên thiết kế, xây dựng hệ thống nước thải được xử lý theo hệ thống riêng, đảm bảo vệ sinh môi trường của VQGCB.

Tại các tuyến, điểm tham quan, điểm dừng chân của du khách nên có nhà vệ sinh, thùng rác, biển hướng dẫn, chỗ ngồi... phục vụ du khách đồng

thời giúp nhà quản lý xử lý rác nhanh, đảm bảo vệ sinh và giữ gìn tài nguyên thiên nhiên.

Mặt khác, các cơ sở hạ tầng, các nhà nghỉ trong vườn phải xây dựng đơn giản, ít tốn kém và quan trọng nhất là phải hòa nhập với thiên nhiên. Giữa một Vườn quốc gia tự nhiên lại có một ngôi biệt thự khang trang hay một lều tranh lụp xụp cũng không được mà các ngôi nhà ở đây phải xây dựng vừa phải, sử dụng các vật liệu thiên nhiên phù hợp.

Có thể xây dựng phòng cung cấp thông tin, tổ chức chuyến đi tại thị trấn Cát Bà, xây dựng trung tâm đón tiếp, phòng giới thiệu hướng dẫn tại trung tâm vườn, xây dựng nhà nghỉ cho khách tại làng Việt Hải và trên đảo Cát Dứa, một số điểm cắm trại như cạnh Hồ Hới, Ao Éch, xây dựng phòng tiêu bản, phòng trưng bày các mẫu động vật rừng và biển.

3.4.4 Bảo vệ môi trường

❖ Xử lý rác thải

Cần hạn chế việc du khách xả rác bừa bãi nhất là các loại rác khó phân hủy như bao nilon, chai nhựa, chai thủy tinh, ống lon... nên tăng cường đặt những thùng rác dọc đường đi kết hợp với những lời nhắc nhở của nhân viên vườn đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục về vệ sinh môi trường.

❖ Tăng cường phương tiện truyền tin, GDMT trên tuyến tham quan

DLST tạo nhiều cơ hội giáo dục môi trường ngay trên các điểm, tuyến tham quan qua các phương tiện như: biển báo, biển chỉ dẫn, bảng thuyết minh môi trường. Với các phương tiện thông tin này, đường mòn sẽ trở thành tuyến du lịch “tự hướng dẫn” cho khách DLST.

Hiện tại, phương tiện sử dụng cho GDMT trên các tuyến, điểm du lịch của VQGCB còn thiếu và sơ sài. Vì vậy, cần có biện pháp tăng cường thông tin trên các tuyến tham quan:

- Dùng biển báo lớn, với sơ đồ của điểm, tuyến tham quan và các vấn đề cần lưu ý ngay ở đầu mỗi đường mòn.
- Đặt các biển báo nhỏ với các thông tin về tự nhiên, môi trường của các điểm hấp dẫn (về các loài cây, các hiện tượng tự nhiên lý thú) trên các đường mòn tham quan. Kết hợp với các thông tin trên tờ gấp để đạt sơ đồ, biển báo, bảng thuyết minh tại các điểm du lịch, sử dụng những ký hiệu đặc biệt hoặc những con số được dùng trong tờ gấp để khách tham quan có thể nhận dạng, tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên trên tuyến. Các biển báo phải được thiết kế hài hòa với môi trường tự nhiên, đáp ứng yêu cầu truyền tải thông tin cần thiết, dễ nhận biết, đảm bảo bền về vật liệu.
- Đường mòn phải được duy trì sạch sẽ, có thùng rác cũng như lời nhắc nhở, đặt ở đầu tuyến và các điểm dừng chân quan sát, vừa thuận tiện cho khách, vừa tránh tác động xấu đến môi trường. Tại các ngã ba nhất thiết phải có biển chỉ dẫn. Các phương tiện truyền tin trên tuyến đặc biệt hữu ích đối với các nhóm học sinh, sinh viên có số lượng đông trong khi không đủ hướng dẫn viên của VQG đi cùng. Khi đó, giáo viên hay trưởng đoàn biết cách sử dụng những thông tin trên tuyến có thể đóng vai trò là người hướng dẫn thay thế.

Nên chuyển hình thức giao thông đi trong vườn quốc gia bằng cách tổ chức cho khách du lịch đi theo tuyến đường xuyên đảo bằng cách: du khách đến VQG có thể bố trí ô tô đi đến Áng Sỏi và tiếp tục có thể đến vườn bằng các phương tiện thô sơ, tốt nhất là làm một đường ô tô mới ven đảo, mở rộng và nhựa hóa tuyến đường xuyên đảo vào mục đích giao thông công cộng, chỉ dùng cho mục đích tham quan.

3.4.5 Duy trì tính đa dạng sinh học

Ngoài việc tăng cường bảo vệ các loài động vật còn tiến hành chương trình phục hồi rừng và hệ sinh thái. Chương trình này nhằm hỗ trợ nhanh tái sinh tự nhiên, nâng cao độ che phủ của rừng, tạo nơi cư trú tốt cho các loài động vật, đồng thời góp phần mang lại công ăn việc làm, tăng thu nhập cho

nhân dân địa phương. Những loài cây trồng rừng mà nhân dân trong vùng đã trồng thành công trong nhiều năm qua, cụ thể như các loài sau: lát hoa, thông nhựa, sến mù, nghiến, sấu, sù, vẹt... Ngoài việc trồng cây thì vườn còn khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh 7468,2 ha rừng, chăm sóc rừng cũ 120ha, xây dựng vườn ươm 5ha, trồng bổ sung 5ha các loài cây thức ăn cho loài Voọc quần đùi, tạo sân chim cho chim nước và chim di cư trú ngụ bằng 50ha một số cây tạo giá thể cho chim.

3.4.6 Hỗ trợ cộng đồng địa phương

Ở Cát Bà trước khi có quyết định thành lập VQG thì dân cư của các xã ở đây chủ yếu làm nông nghiệp và khai thác lâm sản. Nhưng kể từ khi thành lập VQGCB cho đến nay, việc di chuyển dân cư, sắp xếp lại, tạo công ăn việc làm, thay đổi tập quán và lối sống của người dân rất khó khăn. Mặt khác, sản lượng nông nghiệp lại rất thấp, lại không được củi đốt và các vật phẩm từ rừng. Phải tăng thu nhập của dân bằng các dịch vụ từ du lịch và làm thế nào để họ thấy rằng dịch vụ từ du lịch mang lại lợi nhuận nhiều hơn là phá hoại rừng, bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính họ. Đặc biệt là kết hợp với các hình thức xử phạt nghiêm ngặt đối với việc phá hoại rừng, săn bắt thú trộm mà nhân dân kiểm lâm có biên chế của vườn không thể kiểm soát hết được. Vì vậy, nên lấy từ tỉ lệ phí tham quan vườn để thuê thêm nhân dân địa phương làm công tác kiểm lâm bảo vệ rừng, nhắc nhở hành vi của khách, ngăn cấm xả thải cũng như hướng dẫn tham quan cho khách. Phần lớn du khách sẵn sàng trả cao hơn nếu biết rằng số tiền đó sẽ được dành cho việc bảo tồn và phát triển kinh tế cộng đồng địa phương. Có thể hướng dẫn họ mở một số dịch vụ bán nước giải khát, đồ ăn trưa hay hoa quả vườn nhà của nhà trọ nghỉ tạm với quy mô nhỏ, ở một khu vực nhất định, có thu gom rác thải, không làm ảnh hưởng tới Vườn quốc gia.

Đóng góp vào phúc lợi địa phương đây như là một sự đầu tư gián tiếp cho bảo tồn. Mối quan hệ giữa người dân bản địa và các nguồn tài nguyên

thiên nhiên là mối quan hệ gắn bó được thiết lập lâu đời. Nếu không có sự tham gia của người dân địa phương thì việc kiểm soát tài nguyên rất khó khăn, vì vậy sự tham gia của cộng đồng là chìa khóa dẫn tới sự thành công lâu dài. Tuy nhiên làm thế nào để khuyến khích cộng đồng tham gia vào chiến lược phát triển du lịch sinh thái cũng là một vấn đề rất quan trọng. Vấn đề chính yếu là phải biết phân phối thu nhập. Việc cộng đồng địa phương thu được một số lợi ích từ hoạt động liên quan đến du lịch sinh thái và khả năng thấy được những mối lợi tài chính trong khoảng thời gian ngắn, hợp lý sẽ khuyến khích được về mặt vật chất đối với cộng đồng. Không có giới hạn về các loại hình hoạt động để chia sẻ lợi nhuận nhưng phải làm được điều này, cụ thể là Ban quản lý VQGCB thu phí tham quan, có thể lựa chọn những nguồn thu trực tiếp hoặc là có thể đầu tư vào việc phát triển cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, dịch vụ, y tế... Nếu không có những ưu tiên địa phương thì việc cố gắng hỗ trợ này sẽ mất đi.

Mặt khác cần tổ chức hội thảo với chính quyền và cộng đồng địa phương, các cơ quan chủ quản để thấy được tầm quan trọng và vị trí của du lịch sinh thái với VQG và việc phát triển kinh tế một cách bền vững của cộng đồng địa phương. Bầu ra Ban điều hành phát triển du lịch sinh thái gồm: vườn quốc gia, phòng du lịch huyện và chủ tịch một xã có liên quan. Tiến hành làm hợp đồng cam kết trách nhiệm, quyền lợi giữa VQG với chính quyền và nhân dân địa phương, mặt khác tiến hành quy hoạch, lập kế hoạch phát triển du lịch sinh thái cho từng giai đoạn cụ thể.

3.4.7 Nâng cao trình độ của cán bộ công, nhân viên, hướng dẫn viên du lịch

Để có thể đáp ứng hơn nữa nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch thì cần phải đào tạo được nhiều cán bộ khoa học và quản lý trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có thể cử họ tham

gia vào các khóa học về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên rừng ở trong nước và nước ngoài.

Các cán bộ nhân viên sau khi được đào tạo đó kết hợp với một số chuyên gia về bảo tồn thiên nhiên, môi trường của Việt Nam và quốc tế mở các lớp tuyên truyền, giáo dục ở tại Ban quản lý hoặc tại các xã vùng đệm với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương thông qua hội nông dân, hội phụ nữ.

Ngoài việc đào tạo đội ngũ cán bộ thì cần đào tạo hướng dẫn viên du lịch, những người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch. Hướng dẫn viên cần được cung cấp những kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ cơ bản. Ngoài ra hướng dẫn viên cần bồi dưỡng những kiến thức về bảo vệ môi trường du lịch sinh thái, vì đưa khách đến các điểm du lịch đặc biệt là trên dọc đường xuyên đảo đi trong rừng, vào hang, trên bãi tắm biển... thì việc giải thích, nhắc nhở du khách về bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ hướng dẫn viên này.

Bên cạnh đó cần chú ý đến việc đào tạo những người dân địa phương có năng lực để họ có thể trở thành hướng dẫn viên phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái trên đất của họ. Những lợi thế về các kỹ năng và kiến thức hiểu biết qua kinh nghiệm thực tiễn của người địa phương dễ dàng hấp dẫn khách du lịch hơn là hướng dẫn viên từ nơi khác đến. Nếu được đào tạo tốt, họ còn trở thành những tuyên truyền viên giáo dục môi trường tích cực trong cộng đồng, một cách lôi kéo có hiệu quả người dân địa phương cùng tham gia bảo tồn.

Ban quản lý VQG nên phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tổ chức các đào tạo và tập huấn cho đội ngũ hướng dẫn viên, cấp chứng chỉ hoặc “thẻ xanh” đối với những người đạt yêu cầu, chỉ những cá nhân có loại thẻ này hoặc chứng chỉ này mới được dẫn khách đi tham quan Vườn.

Cùng với việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và hướng dẫn viên thì còn cần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà hàng, nhà nghỉ ở Việt Hải, đội ngũ lái xe khách, xe ôm về nguyên tắc ứng xử với du khách cùng một số kiến thức cần thiết.

Đồng thời nên giáo dục nâng cao trình độ dân trí, cách ứng xử của người dân địa phương đối với khách du lịch, có thể tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện với nhân dân vùng đệm hoặc mở các lớp đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học cho chính quyền địa phương và các cán bộ nhân viên Vườn quốc gia.

3.4.8 Các hoạt động quảng bá

Để tăng cường hoạt động tuyên truyền quảng bá, tiếp thị du lịch sinh thái bằng cách làm các tờ rơi, tờ gấp cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh để phát cho khách du lịch khi họ đến Cát Bà.

Làm các băng đĩa phim video giới thiệu về VQG có thể trình chiếu ngay trên các chuyến tàu xe để du khách có được những hiểu biết ban đầu về điểm du lịch đồng thời học có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc bảo tồn tôn tạo cảnh quan nơi đến.

Mặt khác cần nhanh chóng làm các đồ lưu niệm có biểu tượng của VQG vừa có ý nghĩa tuyên truyền vừa như một kỷ vật để du khách không bao giờ quên mình đã tới đây.

Ngoài ra cần tích cực tuyên truyền giới thiệu qua các thông tin đại chúng như ti vi, đài, báo, tạp chí để mọi người biết được thực trạng cũng như ý thức hơn trong việc giữ gìn bảo vệ vườn. Cần nhanh chóng xây dựng một trang Web riêng về VQGCB để du khách trong và ngoài nước có thể cập nhật những thông tin cần thiết, giúp chuyến đi của họ trở lên thú vị và bổ ích hơn.

❖ Tiểu kết

Các giải pháp trên đây đều xuất phát từ thực trạng phát triển hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Cát Bà.

Các biện pháp để thực hiện rất đa dạng bao gồm: cải thiện về cơ chế, chính sách đầu tư, cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ của cán bộ công, nhân viên, hướng dẫn viên du lịch, các hoạt động quảng bá về VQGCB v. v. Tất cả các biện pháp này cần được thực hiện đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ của các bên liên quan.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu tiềm năng, hiện trạng và định hướng phát triển DLST ở VQGCB, khóa luận rút ra một số kết luận sau:

1. DLST là loại hình du lịch có mục đích phát triển bền vững, được xây dựng trên cơ sở những khu vực tự nhiên hấp dẫn. Lợi ích đem lại từ loại hình du lịch này là việc nâng cao nhận thức về giá trị của các hệ sinh thái, văn hóa bản địa, nâng cao năng lực quản lý và góp phần cải thiện kinh tế địa phương.
2. Vườn quốc gia Cát Bà thuộc địa phận huyện đảo Cát Hải của thành phố Hải Phòng - một trong ba tam giác tăng trưởng kinh tế Hải Phòng - Quảng Ninh - Hải Dương. Do đó thị trường cung cấp khách du lịch rất lớn, lượng khách tiềm năng cao. Tuy nhiên, các nguồn thông tin về VQGCB đến khách du lịch chưa nhiều. Chính vì vậy mà cần phải có biện pháp thu hút sự chú ý của các đối tượng trên bằng biện pháp tuyên truyền, quảng cáo nhằm liên kết điểm du lịch VQGCB với các tuyến du lịch khác trong và ngoài thành phố như tuyến Hà Nội- Cát Bà, Hạ Long- Cát Bà.
3. VQGCB là khu vực có tiềm năng hấp dẫn khách du lịch và phát triển DLST. Nhưng hiện tại, các nguồn tài nguyên tại vườn chưa được khai thác hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu của loại hình du lịch sinh thái và nhu cầu của khách du lịch. Loại hình du lịch có thể phát triển kết hợp với DLST như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao, mạo hiểm (leo núi, đi bộ, cắm trại), du lịch văn hóa lịch sử.
4. Hiện trạng hoạt động du lịch tại VQGCB chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan về các mặt ăn uống, đồ lưu niệm, tham gia hoạt động du lịch được tổ chức tại vườn. Để khắc phục và phát triển DLST cần phát triển thêm một số cơ sở phục vụ hoạt động du lịch như trung tâm điều phối khách, cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu niệm, chòi quan sát động vật và phát triển hoạt động

du lịch tại vùng đệm. Tuy nhiên, các hoạt động du lịch này cần được phân bố hợp lý trong khu vực nghiên cứu.

5. Bên cạnh các biện pháp đưa ra như cải thiện cơ chế chính sách đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên v.v. thì cần có những bước nghiên cứu tiếp theo nhằm góp phần cho các hoạt động phát triển DLST tại Vườn quốc gia Cát Bà hoàn chỉnh hơn.

